

Số: /QĐ-KTTV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về nội dung, tần suất và phân cấp trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường

CỤC TRƯỞNG CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Khí tượng Thủy văn;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý dự báo và thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 08/2022/TT-BTNMT về nội dung bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, tần suất ban hành bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và phân cấp trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và thay thế Quyết định số 194/QĐ-KTTV ngày 8 tháng 5 năm 2025 của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn quy định về nội dung, tần suất và phân cấp trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Quản lý dự báo và thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, Giám đốc Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc

gia, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn, Giám đốc Trung tâm Điều tra khảo sát, Công nghệ và dịch vụ khí tượng thủy văn, Giám đốc các Đài Khí tượng Thủy văn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thứ trưởng Lê Công Thành (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng;
- Lưu: VT, QLDB.LH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thượng Hiền

**QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG, TẦN SUẤT VÀ PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM
BAN HÀNH BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025
của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về nội dung, tần suất và phân cấp trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (KTTV) trong điều kiện bình thường bao gồm: dự báo, cảnh báo xu thế trên đất liền thời hạn đến 10 ngày (gộp nội dung dự báo xu thế thời tiết thời hạn ngắn và xu thế thời tiết thời hạn vừa); dự báo, cảnh báo thời tiết điểm đến 10 ngày (gộp nội dung dự báo các yếu tố thời tiết thời hạn ngắn và các yếu tố thời tiết thời hạn vừa); dự báo, cảnh báo khí hậu thời hạn dài; dự báo, cảnh báo khí tượng khí hậu thời hạn mùa; dự báo khí hậu thời hạn năm; dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn ngắn; dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn vừa; dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn dài; dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn mùa (gộp nội dung dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn mùa và nguồn nước thời hạn mùa); dự báo nguồn nước thời hạn ngắn; dự báo nguồn nước thời hạn vừa; dự báo nguồn nước thời hạn dài; dự báo nguồn nước thời hạn năm; dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn đến 10 ngày (gộp nội dung bản tin hải văn thời hạn ngắn và hải văn thời hạn vừa); dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn dài; dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn mùa; dự báo KTTV phục vụ nông nghiệp thời hạn vừa; dự báo KTTV phục vụ nông nghiệp thời hạn dài; dự báo KTTV phục vụ nông nghiệp thời hạn mùa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Cục KTTV có liên quan đến các hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi phân cấp trách nhiệm

1. Phân công rõ trách nhiệm ban hành bản tin của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, các Đài KTTV đối với từng loại bản tin dự báo, cảnh báo KTTV trong điều kiện bình thường, đảm bảo đầy đủ, chi tiết, kịp thời của các bản tin và không chồng chéo giữa các cấp dự báo.

2. Các vị trí trùng nhau trong bản tin dự báo, cảnh báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, các Đài KTTV sẽ do Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

quyết định trị số dự báo, cảnh báo.

3. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, các Đài KTTV phải thực hiện trao đổi, cập nhật thông tin, dữ liệu đảm bảo thông tin dự báo, cảnh báo thống nhất, đầy đủ, kịp thời; bản tin dự báo, cảnh báo phải được chia sẻ kịp thời giữa các cấp, đảm bảo các Đài KTTV tỉnh nhận đầy đủ các bản tin của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia và ngược lại.

4. Hằng năm, căn cứ theo tình hình thực tiễn, Cục KTTV sẽ giao trách nhiệm ban hành bản tin dự báo KTTV phục vụ nông nghiệp cho đơn vị phù hợp để thực hiện.

Chương II

NỘI DUNG, TẦN SUẤT VÀ PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM BAN HÀNH BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG

Điều 4. Dự báo, cảnh báo xu thế thời tiết trên đất liền thời hạn đến 10 ngày

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến các hình thế thời tiết ảnh hưởng, dự báo xu thế diễn biến thời tiết và cảnh báo các hiện tượng thiên tai đi kèm (nếu có) cho các khu vực trong 24 giờ đến 48 giờ đầu;

- Diễn biến các hình thế thời tiết chính, dự báo xu thế biến đổi thời tiết và cảnh báo các hiện tượng thiên tai đi kèm (nếu có) ảnh hưởng đến các khu vực từ ngày thứ 03 đến ngày thứ 10;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Mức độ chi tiết: đến các khu vực đặc trưng trên đất liền lãnh thổ Việt Nam.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi ngày ban hành 02 bản tin trước: 09 giờ 30 và 14 giờ 30.

2. Các Đài KTTV

Căn cứ nhu cầu thực tiễn, các Đài KTTV tổ chức thực hiện bản tin dự báo, cảnh báo xu thế thời tiết trên đất liền thời hạn đến 10 ngày cho các tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở. Nội dung bản tin thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

Điều 5. Dự báo, cảnh báo thời tiết điểm đến 10 ngày

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), trị số các yếu tố bao gồm: lượng mưa, xác suất mưa, nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất), hướng và tốc độ gió, độ ẩm

tương đối trong 24 giờ đầu, chi tiết đến từng khoảng 12 giờ (ngày, đêm);

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), xác suất mưa, trị số các yếu tố bao gồm: nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất, hướng và tốc độ gió thịnh hành theo từng ngày từ ngày thứ 02 đến ngày thứ 03;

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), xác suất mưa, trị số các yếu tố bao gồm: nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất theo từng ngày từ ngày thứ 04 đến ngày thứ 10, tổng lượng mưa trong thời hạn 10 ngày;

- Mức độ chi tiết: đến các địa điểm đặc trưng của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương được quy định tại Phụ lục I Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi ngày ban hành 02 bản tin trước: 04 giờ 30 và 15 giờ 30.

2. Các Đài KTTV

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến các hình thái thời tiết chính ảnh hưởng đến khu vực trong 10 ngày tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), trị số các yếu tố bao gồm: lượng mưa, xác suất mưa, nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất), hướng và tốc độ gió, độ ẩm tương đối trong 24 giờ đầu, chi tiết đến từng khoảng 12 giờ (ngày, đêm);

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), xác suất mưa, trị số các yếu tố bao gồm: nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất, hướng và tốc độ gió thịnh hành theo từng ngày từ ngày thứ 02 đến ngày thứ 03;

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), xác suất mưa, trị số các yếu tố bao gồm: nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất theo từng ngày từ ngày thứ 04 đến ngày thứ 10, tổng lượng mưa trong thời hạn 10 ngày;

- Mức độ chi tiết: đến các địa điểm đặc trưng thuộc cấp phường/xã của tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở được quy định tại Phụ lục II Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi ngày ban hành 02 bản tin trước: 04 giờ 30 và 15 giờ 30.

Điều 6. Dự báo, cảnh báo khí hậu thời hạn dài (tháng)

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến thời tiết nổi bật trong tháng trước, dự báo xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa, cảnh báo khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm trong thời hạn 01 tháng;

- Trị số nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các khu vực khí hậu đặc trưng trên đất liền lãnh thổ Việt Nam.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 03 bản tin trước 12 giờ 00 các ngày 01, ngày 11, và ngày 21 của tháng;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

2. Các Đài KTTV

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến thời tiết nổi bật trong tháng trước, dự báo xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa, cảnh báo khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm trong thời hạn 01 tháng;

- Trị số nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các trạm khí tượng cơ bản thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 16 giờ 00 ngày 01 của tháng;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

Điều 7. Dự báo, cảnh báo khí hậu thời hạn mùa

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến khí hậu nổi bật tính đến thời điểm phát tin. Dự báo trị số nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa theo từng tháng trong 03 tháng đầu và diễn biến xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa trong 03 tháng tiếp theo so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các khu vực khí hậu đặc trưng trên đất liền lãnh thổ Việt Nam.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi năm ban hành 06 bản tin trước 15 giờ 00 các ngày: 15 tháng 02, 15 tháng 4, 15 tháng 6, 15 tháng 8, 15 tháng 10 và 15 tháng 12;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

2. Các Đài KTTV

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến khí hậu nổi bật tính đến thời điểm phát tin. Dự báo trị số nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa theo từng tháng trong 03 tháng đầu và diễn biến xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa trong 03 tháng tiếp theo

so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo khả năng xuất hiện các hiện khí hậu cực đoan trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến trạm khí tượng cơ bản thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi năm ban hành 06 bản tin trước 17 giờ 00 các ngày: 15 tháng 02, 15 tháng 4, 15 tháng 6, 15 tháng 8, 15 tháng 10 và 15 tháng 12;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

Điều 8. Dự báo khí hậu thời hạn năm

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích diễn biến khí hậu trong 01 năm qua (diễn biến của nhiệt độ, lượng mưa và các hiện tượng khí hậu cực đoan như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, nắng nóng, rét đậm, rét hại, mưa đá, sương muối...);

- Nhận định xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa theo từng 06 tháng trong thời hạn 01 năm; nhận định xu thế khí hậu, cực trị khí hậu và các hiện tượng khí hậu cực đoan trong thời hạn 01 năm trên quy mô toàn cầu, khu vực và Việt Nam;

- Mức độ chi tiết: đến các khu vực khí hậu đặc trưng trên đất liền lãnh thổ Việt Nam.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi năm ban hành 02 bản tin trước 17 giờ 00 các ngày 15 tháng 01 và 15 tháng 7. Trong trường hợp cần thiết, cần bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Các Đài KTTV

Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Các Đài KTTV tổ chức thực hiện bản tin dự báo khí hậu thời hạn năm cho cho các tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở. Nội dung bản tin thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

Điều 9. Dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn ngắn

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có) và khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo;

- Trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) theo thời hạn dự báo:

+ Đối với các trạm thủy văn ảnh hưởng triều: trị số mực nước cao nhất, thấp nhất trong thời hạn dự báo;

+ Đối với các trạm thủy văn khác: trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) tại các thời điểm ứng với từng khoảng thời gian 06 giờ trong thời hạn dự báo;

Trong trường hợp dự báo mực nước trên sông có thay đổi lớn do chịu tác động của thời tiết nguy hiểm hoặc xả lũ bất thường từ các hồ chứa, thực hiện bổ

sung trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) cao nhất và thấp nhất trong thời hạn dự báo.

- Thời hạn dự báo (được tính kể từ thời điểm có trị số thực đo cuối cùng) được quy định tại Phụ lục III Quyết định này;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc 06 khu vực và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục III Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi ngày ban hành 06 bản tin cho 06 khu vực và tổng hợp thông tin cung cấp cho các đơn vị theo quy định tại Phụ lục IX Quyết định này trước 10 giờ 30;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

2. Các Đài KTTV

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có), khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo;

- Trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) theo thời hạn dự báo:

- + Đối với các trạm thủy văn ảnh hưởng triều: trị số mực nước cao nhất, thấp nhất trong thời hạn dự báo;

- + Đối với các trạm thủy văn khác: trị số mực nước và lưu lượng nước (nếu có) tại các thời điểm ứng với từng khoảng thời gian 06 giờ trong thời hạn dự báo;

Trong trường hợp dự báo mực nước trên sông có thay đổi lớn do chịu tác động của thời tiết nguy hiểm hoặc xả lũ bất thường từ các hồ chứa, thực hiện bổ sung trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) cao nhất và thấp nhất trong thời hạn dự báo.

- Thời hạn dự báo của các trạm thủy văn (được tính kể từ thời điểm có trị số thực đo cuối cùng) được quy định tại Phụ lục IV Quyết định này;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục IV Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi ngày ban hành 01 bản tin trước 11 giờ 30;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

Điều 10. Dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn vừa

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có), cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra trong thời hạn dự báo;

- Trị số đặc trưng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất của mực nước, lưu lượng nước (nếu có) theo từng khoảng thời gian 05 ngày trong thời hạn dự báo;

- Thời hạn dự báo, cảnh báo: đối với các sông thuộc vùng ảnh hưởng thủy triều ở khu vực Nam Bộ là đến 10 ngày và bổ sung thêm xu thế mực nước từ ngày thứ 11 đến ngày thứ 15; đối với các sông còn lại là đến 05 ngày trong mùa lũ và đến 10 ngày trong mùa cạn;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc 06 khu vực và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục III Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Trong mùa lũ: vào các ngày: 01, 06, 11, 16, 21, 26, mỗi ngày ban hành 06 bản tin cho 06 khu vực và tổng hợp thông tin cung cấp cho các đơn vị theo quy định tại Phụ lục IX Quyết định này trước 15 giờ 00;

- Trong mùa cạn: vào các ngày: 01, 11, 21, mỗi ngày ban hành 06 bản tin cho 06 khu vực và tổng hợp thông tin cung cấp cho các đơn vị theo quy định tại Phụ lục IX Quyết định này trước 15 giờ 00;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài các bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

2. Các Đài KTTV

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có), cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra trong thời hạn dự báo;

- Trị số đặc trưng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất của mực nước, lưu lượng nước (nếu có) theo từng khoảng thời gian 05 ngày trong thời hạn dự báo;

- Thời hạn dự báo tương tự như đối với Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục IV Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Trong mùa lũ: mỗi tháng ban hành 06 bản tin trước 16 giờ 00 các ngày: 01, 06, 11, 16, 21 và 26;

- Trong mùa cạn: mỗi tháng ban hành 03 bản tin trước 16 giờ 00 các ngày: 01, 11 và 21;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài các bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

Điều 11. Dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn dài

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có), cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra trong thời hạn 01 tháng;

- Trị số đặc trưng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất của mực nước, lưu lượng nước (nếu có) từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc 06 khu vực và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục III Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 06 bản tin cho 06 khu vực và tổng hợp thông tin cung cấp cho các đơn vị theo quy định tại Phụ lục IX Quyết định này trước 15 giờ 00 ngày 01 của tháng;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

2. Các Đài KTTV

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có), cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra trong thời hạn 01 tháng;

- Trị số đặc trưng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất của mực nước, lưu lượng nước (nếu có) từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục IV Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 16 giờ 00 ngày 01 của tháng;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

Điều 12. Dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn mùa

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế, trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) trung bình, cao nhất, thấp nhất và tổng lượng nước mặt của từng tháng trong 03 tháng đầu, diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có) và tổng lượng nước mặt trong 03 tháng tiếp theo và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo

các hiện tượng thủy văn nguy hiểm, các thiên tai liên quan đến sự thiếu hụt nguồn nước có thể xảy ra trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết dự báo, cảnh báo thủy văn: đến các lưu vực sông thuộc 06 khu vực và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục III Quyết định này.

- Mức độ chi tiết dự báo, cảnh báo nguồn nước: đến các lưu vực sông và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục V Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi năm ban hành 06 bản tin trước 15 giờ 00 các ngày: 15 tháng 02, 15 tháng 4, 15 tháng 6, 15 tháng 8, 15 tháng 10 và 15 tháng 12;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

2. Các Đài KTTV

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế, trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) trung bình, cao nhất, thấp nhất và tổng lượng nước mặt theo từng tháng trong 03 tháng đầu; diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có) và tổng lượng nước mặt trong 03 tháng tiếp theo so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm, các thiên tai liên quan đến sự thiếu hụt nguồn nước có thể xảy ra trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết dự báo, cảnh báo thủy văn: đến các lưu vực sông thuộc các tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục IV Quyết định này;

- Mức độ chi tiết dự báo, cảnh báo nguồn nước: đến các lưu vực sông thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VI Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi năm ban hành 06 bản tin trước 17 giờ 00 các ngày: 15 tháng 02, 15 tháng 4, 15 tháng 6, 15 tháng 8, 15 tháng 10 và 15 tháng 12;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

Điều 13. Dự báo nguồn nước

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Bản tin nguồn nước thời hạn ngắn

- Nội dung dự báo, cảnh báo

- + Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 07 ngày;

+ Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt chi tiết từng ngày trong 07 ngày và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm trong thời hạn 07 ngày.

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục V Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin: mỗi tháng ban hành 04 bản tin trước 15 giờ 00 các ngày: 01, 08, 15 và 22. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

b) Bản tin nguồn nước thời hạn vừa

- Nội dung dự báo, cảnh báo

+ Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 15 ngày;

+ Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 15 ngày và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục V Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin: mỗi tháng ban hành 02 bản tin trước 15 giờ 00 các ngày: 01 và 16. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

c) Bản tin nguồn nước thời hạn dài (tháng)

- Nội dung dự báo, cảnh báo

+ Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 01 tháng;

+ Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 01 tháng và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục V Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin: mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 15 giờ 00 ngày 01 của tháng. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

d) Bản tin nguồn nước thời hạn năm

- Nội dung dự báo, cảnh báo

+ Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 01 năm;

+ Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 01 năm và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục V Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin: mỗi năm ban hành 04 bản tin trước 15 giờ 00 các ngày: 15 tháng 01, 15 tháng 04, 15 tháng 07 và 15 tháng 10. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Các Đài KTTV

a) Bản tin nguồn nước thời hạn ngắn

- Nội dung dự báo, cảnh báo

- + Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 07 ngày;

- + Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt chi tiết từng ngày trong 07 ngày và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm trong thời hạn 07 ngày.

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VI Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin:

Mỗi tháng ban hành 04 bản tin trước 16 giờ 00 các ngày: 01, 08, 15 và 22. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

b) Bản tin nguồn nước thời hạn vừa

- Nội dung dự báo, cảnh báo

- + Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 15 ngày;

- + Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 15 ngày và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm.

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VI Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin:

Mỗi tháng ban hành 02 bản tin trước 16 giờ 00 các ngày: 01 và 16. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

c) Bản tin nguồn nước thời hạn dài (1 tháng)

- Nội dung dự báo, cảnh báo

- + Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 01 tháng;

- + Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 01 tháng và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm.

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VI Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin:

Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 16 giờ 00 ngày 01 của tháng. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

- d) Bản tin nguồn nước thời hạn năm

- Nội dung dự báo, cảnh báo

- + Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 01 năm;

- + Trị số của tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 01 năm tới và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm.

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VI Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin:

Mỗi năm ban hành 04 bản tin trước 16 giờ 00 các ngày: 15 tháng 01, 15 tháng 04, 15 tháng 07 và 15 tháng 10. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

Điều 14. Dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn đến 10 ngày

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Hiện tượng thời tiết trên biển (mưa), trị số các yếu tố đặc trưng bao gồm: tầm nhìn xa, hướng và tốc độ gió, trạng thái mặt biển, thủy triều (độ cao và thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng), sóng biển (độ cao và hướng sóng), dòng chảy (vận tốc và hướng dòng chảy mặt) trong từng ngày từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 03;

- Trị số và thời điểm xuất hiện độ cao mực nước lớn, nước ròng, trị số độ cao sóng biển theo từng ngày, xu thế biến đổi của thủy triều và khả năng xuất hiện các hiện tượng hải văn nguy hiểm (nếu có) từ ngày thứ 04 đến ngày thứ 10;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến 10 khu vực trên biển, riêng thủy triều mức độ chi tiết đến 06 khu vực biển giáp đất liền Việt Nam (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg) và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi ngày ban hành 02 bản tin trước: 04 giờ 30 và 15 giờ 30.

2. Các Đài KTTV có biển

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Hiện tượng thời tiết trên biển (mưa), trị số các yếu tố đặc trưng bao gồm:

tầm nhìn xa, hướng và tốc độ gió, trạng thái mặt biển, thủy triều (độ cao và thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng), sóng biển (độ cao và hướng sóng), dòng chảy (vận tốc và hướng dòng chảy mặt) trong từng ngày từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 03;

- Trị số và thời điểm xuất hiện độ cao mực nước lớn, nước ròng, trị số độ cao sóng biển theo từng ngày, xu thế biến đổi của thủy triều và khả năng xuất hiện các hiện tượng hải văn nguy hiểm (nếu có) từ ngày thứ 04 đến ngày thứ 10;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến vùng biển, ven biển, đảo, quần đảo thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi ngày ban hành 01 bản tin trước 16 giờ 00.

Điều 15. Dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn dài (tháng)

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến hải văn nổi bật trong tháng trước, dự báo trị số thủy triều (độ cao và thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng), trị số độ cao sóng biển theo từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng; xu thế biến đổi của thủy triều và cảnh báo khả năng xuất hiện triều cường và các hiện tượng hải văn nguy hiểm khác trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến 06 khu vực biển giáp đất liền Việt Nam (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg) và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 12 giờ 00 ngày 01 của tháng;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

2. Các Đài KTTV có biển

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến hải văn nổi bật trong tháng trước, dự báo trị số thủy triều (độ cao và thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng), trị số độ cao sóng biển theo từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng; xu thế biến đổi của thủy triều và cảnh báo khả năng xuất hiện triều cường và các hiện tượng hải văn nguy hiểm khác trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến vùng biển, ven biển, đảo, quần đảo thuộc tỉnh/thành

phổ nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 16 giờ 00 ngày 01 của tháng.
- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

Điều 16. Dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn mùa

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến hải văn nổi bật tính đến thời điểm phát tin. Dự báo trị số thủy triều (độ cao, thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng) theo từng tháng trong 03 tháng đầu và diễn biến xu thế thủy triều trong 03 tháng tiếp theo so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo khả năng xuất hiện triều cường và các hiện tượng hải văn nguy hiểm khác trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến 06 khu vực biển giáp đất liền Việt Nam (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg) và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi năm ban hành 06 bản tin trước 15 giờ 00 các ngày: 15 tháng 02, 15 tháng 4, 15 tháng 6, 15 tháng 8, 15 tháng 10 và 15 tháng 12;
- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

2. Các Đài KTTV có biển

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến hải văn nổi bật tính đến thời điểm phát tin. Dự báo trị số thủy triều (độ cao, thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng) theo từng tháng trong 03 tháng đầu và diễn biến xu thế thủy triều trong 03 tháng tiếp theo so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo khả năng xuất hiện triều cường và các hiện tượng hải văn nguy hiểm khác trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến vùng biển, ven biển, đảo, quần đảo thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi năm ban hành 06 bản tin trước 17 giờ 00 các ngày: 15 tháng 02, 15 tháng 4, 15 tháng 6, 15 tháng 8, 15 tháng 10 và 15 tháng 12;
- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

Điều 17. Dự báo khí tượng thủy văn phục vụ nông nghiệp

1. Bản tin thời hạn vừa

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến tổng tích ôn và tổng tích ôn hữu hiệu, diễn biến tổng lượng bức xạ quang hợp, tổng lượng bốc hơi và cân bằng nước, tổng lượng mưa hữu hiệu; diễn biến mực nước, dòng chảy, ảnh hưởng của hồ chứa (nếu có) trong tuần qua (07 ngày);

- Dự báo trị số của các yếu tố (độ ẩm không khí, độ ẩm đất, tích ôn hữu hiệu, bốc hơi tiềm năng, mưa hữu hiệu, cân bằng nước, mức độ hạn) theo từng khoảng thời gian 03 ngày đầu và 04 ngày tiếp theo; các đặc trưng nguy hiểm về khí tượng thủy văn (nếu có) có khả năng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và những điểm lưu ý; nhận định cấp độ phù hợp của điều kiện khí tượng nông nghiệp đối với hoạt động sản xuất và những lưu ý theo vùng diễn biến của điều kiện thời tiết tương ứng với đối tượng nông nghiệp tại một địa điểm hoặc khu vực;

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VIII của Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi tháng ban hành 04 bản tin trước 17 giờ 00 vào các ngày thứ 6 hằng tuần. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Bản tin thời hạn dài

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến điều kiện khí tượng nông nghiệp tháng đã qua (chi tiết theo các tuần) bao gồm: tổng tích hữu hiệu, tổng lượng bức xạ quang hợp, tổng lượng mưa hữu hiệu, mức độ hạn hán hoặc ẩm ướt; diễn biến tình hình thủy văn: diễn biến mực nước, dòng chảy, ảnh hưởng của hồ chứa (nếu có); diễn biến các đặc trưng nguy hiểm về khí tượng, thủy văn (nếu có) tác động đến sản xuất nông nghiệp, vùng ảnh hưởng; đặc điểm của sản xuất nông nghiệp trong tháng qua (tiến độ sản xuất).

- Dự báo trị số của các yếu tố (độ ẩm đất, tích ôn hữu hiệu, bốc hơi tiềm năng, mưa hữu hiệu, cân bằng nước, mức độ hạn) theo từng tuần trong thời hạn 01 tháng tại một địa điểm hoặc khu vực; nhận định những giai đoạn ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp (không hoặc ít phù hợp cần lưu ý);

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VIII của Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 17 giờ 00 ngày 01 của tháng. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

3. Bản tin thời hạn mùa

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Đánh giá diễn biến tình hình khí tượng thủy văn đến thời điểm hiện tại về mức độ phù hợp cho sản xuất nông nghiệp so với cùng kỳ năm trước; mức độ

ảnh hưởng của các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan hoặc không phù hợp với sản xuất (nếu có); các đặc điểm sản xuất nông nghiệp trong mùa tiếp theo.

- Dự báo trị số của các yếu tố (tích ôn hữu hiệu, mưa hữu hiệu, mức độ hạn) và cảnh báo các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan theo từng tháng trong thời hạn 03 tháng;

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VIII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi năm ban hành 06 bản tin trước 17 giờ 00 các ngày: 15 tháng 02, 15 tháng 4, 15 tháng 6, 15 tháng 8, 15 tháng 10 và 15 tháng 12;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

Điều 18. Thời gian và phương thức cung cấp bản tin dự báo, cảnh báo

1. Bản tin dự báo, cảnh báo KTTV được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Phụ lục IX Quyết định này trong thời gian chậm nhất là 15 phút kể từ thời điểm hoàn thành bản tin dự báo, cảnh báo gần nhất.

2. Cung cấp bản tin dự báo, cảnh báo KTTV qua hệ thống điện thoại, fax, thư điện tử, mạng nội bộ, cổng thông tin điện tử hoặc kênh phát thanh, truyền hình và các hệ thống liên lạc khác (nếu có).

Điều 19. Đặt tên bản tin dự báo, cảnh báo và hồ sơ dự báo

Bản tin dự báo, cảnh báo KTTV phải có Hồ sơ dự báo kèm theo và được đặt tên theo quy định tại Phụ lục X, Phụ lục XI Quyết định này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia hỗ trợ các Đài KTTV về kỹ thuật chuyên môn, các sản phẩm dự báo, cảnh báo KTTV để thực hiện các bản tin dự báo, cảnh báo theo quy định.

2. Trung tâm Thông tin và Dữ liệu KTTV xây dựng hệ thống lưu trữ các loại bản tin dự báo, cảnh báo KTTV và Hồ sơ dự báo kèm theo, đảm bảo hệ thống lưu trữ các loại bản tin dự báo, cảnh báo KTTV hoạt động ổn định; tổ chức đánh giá bản tin dự báo, cảnh báo theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, các Đài KTTV tổ chức đặt tên và lưu trữ các bản tin theo quy định và theo hướng dẫn của Trung tâm Thông tin và Dữ liệu KTTV.

4. Phòng Quản lý dự báo và thông tin, dữ liệu KTTV có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị gửi báo cáo về Cục KTTV (qua Phòng Quản lý dự báo và thông tin, dữ liệu KTTV) để tổng hợp, trình Cục trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỜI TIẾT ĐIỂM DO
TRUNG TÂM DỰ BÁO KTTV QUỐC GIA THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của Cục
trưởng Cục KTTV)

TT	Điểm dự báo (Phường)	Khu vực hành chính
1	Tân Phong	Tỉnh Lai Châu
2	Mường Thanh	Tỉnh Điện Biên
3	Tô Hiệu	Tỉnh Sơn La
4	Lào Cai	Tỉnh Lào Cai
5	Yên Bái	Tỉnh Lào Cai
6	Minh Xuân	Tỉnh Tuyên Quang
7	Hà Giang	Tỉnh Tuyên Quang
8	Phan Đình Phùng	Tỉnh Thái Nguyên
9	Bắc Kạn	Tỉnh Thái Nguyên
10	Thục Phán	Tỉnh Cao Bằng
11	Lương Văn Tri	Tỉnh Lạng Sơn
12	Việt Trì	Tỉnh Phú Thọ
13	Vĩnh Phúc	Tỉnh Phú Thọ
14	Hòa Bình	Tỉnh Phú Thọ
15	Kinh Bắc	Tỉnh Bắc Ninh
16	Bắc Giang	Tỉnh Bắc Ninh
17	Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh
18	Lê Chân	Thành phố Hải Phòng
19	Hải Dương	Thành phố Hải Phòng
20	Hoàn Kiếm	Thành phố Hà Nội
21	Phổ Hiến	Tỉnh Hưng Yên
22	Thái Bình	Tỉnh Hưng Yên
23	Hoa Lư	Tỉnh Ninh Bình
24	Phủ Lý	Tỉnh Ninh Bình
25	Nam Định	Tỉnh Ninh Bình
26	Hạc Thành	Tỉnh Thanh Hóa
27	Trường Vinh	Tỉnh Nghệ An
28	Thành Sen	Tỉnh Hà Tĩnh

TT	Điểm dự báo (Phường)	Khu vực hành chính
29	Đồng Hới	Tỉnh Quảng Trị
30	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị
31	Thuận Hóa	Thành phố Huế
32	Hải Châu	Thành phố Đà Nẵng
33	Tam Kỳ	Thành phố Đà Nẵng
34	Cẩm Thành	Tỉnh Quảng Ngãi
35	Kon Tum	Tỉnh Quảng Ngãi
36	Pleiku	Tỉnh Gia Lai
37	Quy Nhơn	Tỉnh Gia Lai
38	Buôn Ma Thuột	Tỉnh Đắk Lắk
39	Tuy Hòa	Tỉnh Đắk Lắk
40	Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa
41	Phan Rang	Tỉnh Khánh Hòa
42	Phan Thiết	Tỉnh Lâm Đồng
43	Bắc Gia Nghĩa	Tỉnh Lâm Đồng
44	Xuân Hương - Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng
45	Biên Hòa	Tỉnh Đồng Nai
46	Phước Long	Tỉnh Đồng Nai
47	Tân Ninh	Tỉnh Tây Ninh
48	Long An	Tỉnh Tây Ninh
49	Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh
50	Vũng Tàu	Thành phố Hồ Chí Minh
51	Bình Dương	Thành phố Hồ Chí Minh
52	Cao Lãnh	Tỉnh Đồng Tháp
53	Mỹ Tho	Tỉnh Đồng Tháp
54	Long Châu	Tỉnh Vĩnh Long
55	Bến Tre	Tỉnh Vĩnh Long
56	Trà Vinh	Tỉnh Vĩnh Long
57	Ninh Kiều	Thành phố Cần Thơ
58	Vị Thanh	Thành phố Cần Thơ
59	Sóc Trăng	Thành phố Cần Thơ
60	Long Xuyên	Tỉnh An Giang

TT	Điểm dự báo (Phường)	Khu vực hành chính
61	Rạch Giá	Tỉnh An Giang
62	Bạc Liêu	Tỉnh Cà Mau
63	Tân Thành	Tỉnh Cà Mau

Phụ lục II

**DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỜI TIẾT ĐIỂM
ĐẾN 10 NGÀY DO CÁC ĐÀI KTTV THỰC HIỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
TỈNH LAI CHÂU		
1	Tân Phong	Đại diện cho các phường/xã: Phường Tân Phong, phường Đoàn Kết, xã Tả Lềng, xã Sin Suối Hồ
2	Mường Tè	Đại diện cho các phường/xã: xã Mường Tè, Pa Ủ, Thu Lũm, Mù Cỏ, Tà Tổng, Bun Tở, Bum Nưa
3	Sìn Hồ	Đại diện cho các phường/xã: xã Sìn Hồ, Pa Tần, Hua Bum, Hồng Thu, Nậm Tăm
4	Than Uyên	Đại diện cho các phường/xã: xã Than Uyên, Pắc Ta, Mường Kim, Mường Than, Khoen On
5	Nậm Hàng	Đại diện cho các phường/xã: xã Nậm Hàng, Mường Mô, Lê Lợi, Tủa Sín Chải
6	Bình Lư	Đại diện cho các phường/xã: xã Bình Lư, Bản Bo, Khun Há
7	Tân Uyên	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Uyên, Mường Khoa, Pu Sam Cáp, Nậm Mạ, Nậm Cuối, Nậm Sỏ
8	Phong Thổ	Đại diện cho các phường/xã: xã Phong Thổ, Khổng Lào, Đào San, Sỉ Lờ Lầu
TỈNH ĐIỆN BIÊN		
1	Mường Thanh	Đại diện cho các phường/xã: phường Mường Thanh, Điện Biên Phủ và xã Mường Phăng, Thanh Nưa, Pú Nhi, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà
2	Mường Lay	Đại diện cho các phường/xã: phường Mường Lay, các xã Chà Tở, Mường Tùng
3	Tuần Giáo	Đại diện cho các phường/xã: xã Tuần Giáo, Chiềng Sinh, Mường Mùn
4	Quải Tở	Đại diện cho các phường/xã: xã Quải Tở, Pú Nhung
5	Tủa Chùa	Đại diện cho các phường/xã: xã Tủa Chùa, Sín Chải, Sính Phình, Tủa Thàng, Sáng Nhè.
6	Mường Ảng	Đại diện cho các phường/xã: xã Mường Ảng, Mường Lạn, Nà Tấu, Búng Lao
7	Na Son	Đại diện cho các phường/xã: xã Na Son, Xa Dung, Mường Luân, Tà Đình, Phình Giàng.
8	Na Sang	Đại diện cho các phường/xã: xã Na Sang, Mường Pồn, Nậm Nèn, Pa Ham

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
9	Nà Hỳ	Đại diện cho các phường/xã: Nà Hỳ, Mường Chà, Nà Búng, Si Pa Phìn
10	Mường Nhé	Đại diện cho các phường/xã: xã Mường Nhé, Sín Thầu, Mường Toong, Quảng Lâm, Nậm Kè
TỈNH SƠN LA		
1	Quỳnh Nhai	Đại diện cho các phường/xã: xã Quỳnh Nhai, Mường Chiên, Mường Giôn, Mường Sại
2	Tô Hiệu	Đại diện cho các phường/xã: phường Tô Hiệu, Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh
3	Mường La	Đại diện cho các phường/xã: xã Mường La, Chiềng Lao, Mường Bú, Ngọc Chiến, Chiềng Hoa
4	Mai Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Mai Sơn, Phiêng Păn, Chiềng Sung, Tà Hộc, Mường Chanh, Chiềng Mai, Chiềng Mung, Phiêng Cầm
5	Yên Châu	Đại diện cho các phường/xã: xã Yên Châu, Chiềng Hặc, Lóng Phiêng, Yên Sơn, Phiêng Khoài
6	Sông Mã	Đại diện cho các phường/xã: xã Sông Mã, Chiềng Sơ, Huổi Một, Bó Sinh, Nậm Ty, Mường Lầm, Chiềng Khoong, Mường Hung, Chiềng Khương
7	Bắc Yên	Đại diện cho các phường/xã: xã Bắc Yên, Tạ Khoa, Chiềng Sại, Xím Vàng, Tà Xùa, Pắc Ngà
8	Phù Yên	Đại diện cho các phường/xã: xã Phù Yên, Gia Phù, Mường Cơi, Mường Bang, Suối Tọ, Tân Phong, Kim Bon, Tường Hạ
9	Mộc Châu	Đại diện cho các phường/xã: phường Mộc Châu, Mộc Sơn, Thảo Nguyên, Vân Sơn và xã Đoàn Kết, Tân Yên, Lóng Sập, Chiềng Sơn
10	Sốp Cộp	Đại diện cho các phường/xã: xã Sốp Cộp, Mường Lạn, Púng Bính, Mường Lèo
11	Vân Hồ	Đại diện cho các phường/xã: xã Vân Hồ, Song Khủa, Tô Múa, Xuân Nha
12	Thuận Châu	Đại diện cho các phường/xã: xã Thuận Châu, Chiềng La, Nậm Lầu, Muối Nội, Mường Khiêng, Co Mạ, Mường Bám, Long Hẹ, Bình Thuận, Mường É
TỈNH TUYÊN QUANG		
1	Đồng Văn	Đại diện cho các phường/xã: xã Đồng Văn, Lũng Cú, Sà Phìn, Xã Phố Báng, Lũng Phìn
2	Mèo Vạc	Đại diện cho các phường/xã: xã Mèo Vạc, Sủng Máng, Sơn Vĩ, Khâu Vai, Niêm Sơn, Tát Ngà
3	Yên Minh	Đại diện cho các phường/xã: xã Yên Minh, Thắng Mố, Bạch Đích, Mậu Duệ, Ngọc Long, Du Già, Đường Thượng

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
4	Quản Bạ	Đại diện cho các phường/xã: xã Quản Bạ, Lũng Tám, Cán Tỷ, Nghĩa Thuận, Tùng Vài, Minh Tân, Thuận Hòa, Tùng Bá
5	Hà Giang	Đại diện cho các phường/xã: phường Hà Giang 1, Hà Giang 2, xã Ngọc Đường, Thanh Thủy
6	Vị Xuyên	Đại diện cho các phường/xã: xã Linh Hồ, Phú Linh, Bạch Ngọc, Vị Xuyên
7	Bắc Mê	Đại diện cho các phường/xã: xã Bắc Mê, Đường Hồng, Yên Cường, Minh Sơn, Giáp Trung, Minh Ngọc
8	Bắc Quang	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Quang, xã Việt Lâm, xã Đồng Tâm, xã Vĩnh Tuy, xã Liên Hiệp, xã Bằng Hành, xã Bắc Quang, xã Hùng An, xã Đồng Yên
9	Quang Bình	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Trinch, Tiên Nguyên, Xuân Giang, Bằng Lang, Yên Thành, Quang Bình, Tiên Yên
10	Xín Mần	Đại diện cho các phường/xã: xã Xín Mần, Pà Vầy Sủ, Nám Dẩn, Trung Thịnh, Quảng Nguyên, Khuôn Lũng
11	Hoàng Su Phì	Đại diện cho các phường/xã: xã Hoàng Su Phì, Hồ Thầu, Xã Nậm Dịch, Tân Tiến, Thàng Tín, Bản Máy, Pờ Ly Ngài, Cao Bồ, Lao Chải, Thông Nguyên, Thượng Sơn
12	Minh Xuân	Đại diện cho các phường/xã: phường Minh Xuân, An Tường, Bình Thuận, Nông Tiến, Mỹ Lâm và xã Nhữ Khê, Bình Ca, Thái Bình
13	Na Hang	Đại diện cho các phường/xã: xã Na Hang, Tân Mỹ, Yên Lập, Hồng Thái, Yên Hoa, Thượng Nông, Côn Lôn
14	Chiêm Hoá	Đại diện cho các phường/xã: xã Chiêm Hoá, Yên Nguyên, Hoà An, Kim Bình, Kiên Đài, Tân An
15	Hàm Yên	Đại diện cho các phường/xã: xã Hàm Yên, Thái Sơn, Thái Hoà, Hùng Đức, Yên Phú, Phù Lưu, Bạch Xa, Bình Xa, Trung Hà
16	Yên Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Yên Sơn, Tân Long, Xuân Vân, Kiến Thiết, Lực Hành, Tri Phú, Trung Sơn, Hùng Lợi
17	Sơn Dương	Đại diện cho các phường/xã: xã Sơn Dương, Đông Thọ, Sơn Thủy, Hồng Sơn, Phú Lương, Tân Thanh, Trường Sinh, Tân Trào, Minh Thanh
18	Lâm Bình	Đại diện cho các phường/xã: xã Lâm Bình, Thượng Lâm, Bình An, Minh Quang
TỈNH LÀO CAI		
1	Lào Cai	Đại diện cho các phường/xã: phường Lào Cai, xã Cốc San, phường Cam Đường, xã Hợp Thành
2	Bắc Hà	Đại diện cho các phường/xã: xã Bắc Hà, Bản Liền, Tả Củ Tỷ, Cốc Lầu, Bảo Nhai
3	Bảo Thắng	Đại diện cho các phường/xã: xã Bảo Thắng, Xuân Quang, Tăng Loỏng, Gia Phú, Phong Hải

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
4	Bảo Yên	Đại diện cho các phường/xã: xã Bảo Yên, Phúc Khánh, Bảo Hà, Thượng Hà, Xuân Hòa, Nghĩa Đô
5	Bát Xát	Đại diện cho các phường/xã: xã Bát Xát, Trịnh Tường, Y Tý, Dền Sáng, Mường Hum, A Mú Sung, Bản Xèo.
6	Mường Khương	Đại diện cho các phường/xã: xã Mường Khương, Pha Long, Cao Sơn, Bản Lầu.
7	Sa Pa	Đại diện cho các phường/xã: phường Sa Pa, xã Tả Phìn, Ngũ Chỉ Sơn, Tả Van, Bản Hồ, Mường Bo.
8	Si Ma Cai	Đại diện cho các phường/xã: xã Si Ma Cai, Sín Chéng, Lũng Phình
9	Văn Bàn	Đại diện cho các phường/xã: xã Văn Bàn, Dương Quý, Khánh Yên, Chiềng Ken, Minh Lương, Nậm Chày, Võ Lao, Nậm Xé.
10	Yên Bái	Đại diện cho các phường/xã: xã Văn Phú, Yên Bái, Nam Cường, Âu Lâu
11	Nghĩa Lộ	Đại diện cho các phường/xã: xã Nghĩa Lộ, Cầu Thia, Trung Tâm, Liên Sơn
12	Mậu A	Đại diện cho các phường/xã: xã Phong Dụ Hạ, Phong Dụ Thượng, Châu Quế, Lâm Giang, Đông Cuông, Tân Hợp, Mậu A, Xuân Ái, Mỏ Vàng
13	Yên Bình	Đại diện cho các phường/xã: xã Cẩm Nhân, Yên Thành, Thác Bà, Yên Bình, Bảo Ái
14	Mù Cang Chải	Đại diện cho các phường/xã: xã Mù Cang Chải, Khao Mang, Púng Luông, Chế Tạo, Nậm Có, Lao Chải, Tú Lệ
15	Văn Chấn	Đại diện cho các phường/xã: xã Văn Chấn, Gia Hội, Thượng Bằng La, Chấn Thịnh, Nghĩa Tâm, Sơn Lương, Cát Thịnh
16	Trấn Yên	Đại diện cho các phường/xã: xã Trấn Yên, Lương Thịnh, Hưng Khánh, Việt Hồng, Quy Mông
17	Hạnh Phúc	Đại diện cho các phường/xã: xã Trạm Tấu, Hạnh Phúc, Phình Hồ, Tà Xi Láng
18	Lục Yên	Đại diện cho các phường/xã: xã Lâm Thượng, Lục Yên, Tân Lĩnh, Khánh Hòa, Phúc Lợi, Mường Lai
TỈNH CAO BẰNG		
1	Thục Phán	Đại diện cho các phường/xã: phường Thục Phán, Nùng Chí Cao, Tân Giang
2	Trùng Khánh	Đại diện cho các phường/xã: xã Quang Hán, Trà Lĩnh, Quang Trung, Đoài Dương, Trùng Khánh, Đàm Thủy, Đình Phong.
3	Nguyên Bình	Đại diện cho các phường/xã: xã Ca Thành, Phan Thanh, Thành Công, Tam Kim, Nguyên Bình, Tĩnh Túc, Minh Tâm
4	Bảo Lạc	Đại diện cho các phường/xã: Sơn Lộ, Hưng Đạo, Bảo Lạc, Cốc Pàng, Cô Ba, Khánh Xuân, Xuân Trường, Huy Giáp
5	Hà Quảng	Đại diện cho các phường/xã: xã Cấn Yên, Thông Nông, Thanh Long, Trường Hà, Hà Quảng, Lũng Nặm, Tổng Cột

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
6	Bảo Lâm	Đại diện cho các phường/xã: xã Quảng Lâm, Nam Quang, Lý Bôn, Bảo Lâm, Yên Thổ
7	Hạ Lang	Đại diện cho các phường/xã: xã Hạ Lang, Lý Quốc, Vinh Quý, Quang Long
8	Hòa An	Đại diện cho các phường/xã: xã Nam Tuấn, Hòa An, Bạch Đằng, Nguyễn Huệ
9	Quảng Uyên	Đại diện cho các phường/xã: xã Phục Hòa, Bế Văn Đàn, Độc Lập, Quảng Uyên, Hạnh Phúc
10	Thạch An	Đại diện cho các phường/xã: xã Minh Khai, Canh Tân, Kim Đồng, Thạch An, Đông Khê, Đức Long
TỈNH LẠNG SƠN		
1	Lương Văn Tri	Đại diện cho các phường/xã: phường Đông Kinh, Tam Thanh, Lương Văn Tri, Kỳ Lừa và xã Ba Sơn, Công Sơn, Cao Lộc
2	Thất Khê	Đại diện cho các phường/xã: xã Thất Khê; Đoàn Kết, Tân Tiến, Tràng Định, Quốc Khánh, Kháng Chiến, Quốc Việt
3	Hữu Lũng	Đại diện cho các phường/xã: xã Hữu Lũng, Tuấn Sơn, Tân Thành, Vân Nam, Thiện Tân
4	Đình Lập	Đại diện cho các phường/xã: xã Đình Lập, Thái Bình, Châu Sơn, Kiên Mộc
5	Bắc Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Bắc Sơn, Hưng Vũ, Vũ Lăng, Nhất Hòa, Vũ Lễ, Tân Tri
6	Hồng Phong	Đại diện cho các phường/xã: xã Hồng Phong, Hội Hoan, Hoa Thám, Quý Hòa
7	Bình Gia	Đại diện cho các phường/xã: xã Bình Gia, Tân Văn, Thiện Hòa, Thiện Thuật, Thiện Long
8	Chi Lăng	Đại diện cho các phường/xã: xã Chi Lăng, Quan Sơn, Chiến Thắng, Nhân Lý.
9	Lộc Bình	Đại diện cho các phường/xã: xã Lộc Bình, Na Dương, Lợi Bắc, Thống Nhất, Xuân Dương, Khuất Xá
10	Điềm He	Đại diện cho các phường/xã: xã Điềm He, Văn Quan, Yên Phúc, Tri Lễ, Tân Đoàn, Khánh Khê
11	Vạn Linh	Đại diện cho các phường/xã: xã Vạn Linh, Bằng Mạc, Hữu Liên, Yên Bình, Cai Kinh
12	Na Sầm	Đại diện cho các phường/xã: xã Na Sầm, Hoàng Văn Thụ, Thụy Hùng, Văn Lăng, Đồng Đăng.
13	Mẫu Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Mẫu Sơn
TỈNH PHÚ THỌ		
1	Việt Trì	Đại diện cho các phường/xã: phường Việt Trì, Phường Thanh Miếu, Phường Nông Trang, Phường Vân Phú, xã Hy Cương

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
2	Minh Đài	Đại diện cho các phường/xã: xã Minh Đài, Xuân Đài, Tân Sơn, Long Cốc, Lai Đồng, Thu Cúc
3	Thanh Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Thanh Sơn, Võ Miếu, Văn Miếu, Cự Đồng, Hương Cẩn, Khả Cửu, Yên Sơn
4	Yên Lập	Đại diện cho các phường/xã: xã Yên Lập, Thượng Long, Sơn Lương, Xuân Viên, Minh Hòa, Trung Sơn
5	Thanh Thủy	Đại diện cho các phường/xã: xã Thanh Thủy, Đào Xá, Tu Vũ
6	Đoan Hùng	Đại diện cho các phường/xã: xã Đoan Hùng, Tây Cốc, Chân Mộng, Chí Đám, Bằng Luân
7	Hạ Hòa	Đại diện cho các phường/xã: xã Hạ Hòa, Đoan Thượng, Yên Kỳ, Vĩnh Chân, Văn Lang, Hiền Lương
8	Cẩm Khê	Đại diện cho các phường/xã: xã Cẩm Khê, Phú Khê, Hùng Việt, Đồng Lương, Vân Bán, Tiên Lương.
9	Thanh Ba	Đại diện cho các phường/xã: xã Thanh Ba, Quảng Yên, Hoàng Cương, Đông Thành, Liên Minh, Chí Tiên
10	Phong Châu	Đại diện cho các phường/xã: phường Phú Thọ, Phường Âu Cơ, phường Phong Châu, xã Trạm Thán
11	Phù Ninh	Đại diện cho các phường/xã: xã Phù Ninh, Dân Chủ, Phú Mỹ, Bình Phú
12	Tam Nông	Đại diện cho các phường/xã: xã Tam Nông, Thọ Văn, Vạn Xuân, Hiền Quan
13	Lâm Thao	Đại diện cho các phường/xã: xã Xuân Lũng, Lâm Thao, Phùng Nguyên, Bản Nguyên
14	Vĩnh Yên	Đại diện cho các phường/xã: phường Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Yên
15	Tam Dương	Đại diện cho các phường/xã: xã Tam Dương, Hội Thịnh, Hoàng An, Tam Dương Bắc
16	Lập Thạch	Đại diện cho các phường/xã: xã Lập Thạch, Sơn Đông, Tiên Nữ, Thái Hòa, Liên Hòa, Hợp lý
17	Sông Lô	Đại diện cho các phường/xã: xã Tam Sơn, Sông Lô, Hải Lựu, Yên Lãng
18	Vĩnh Tường	Đại diện cho các phường/xã: Xã Vĩnh Tường, xã Thổ tang, Vĩnh Hưng, Vĩnh An, Vĩnh Phú, Vĩnh Thành
19	Yên Lạc	Đại diện cho các phường/xã: xã Yên Lạc, Tề Lỗ, Liên Châu, Tam Hồng, Nguyệt Đức
20	Bình Xuyên	Đại diện cho các phường/xã: xã Bình Nguyên, Xuân lã, Bình Xuyên, Bình Tuyên
21	Phúc Yên	Đại diện cho các phường/xã: phường Phúc Yên, phường Xuân Hòa
22	Tam Đảo	Đại diện cho các phường/xã: xã Tam Đảo, Đại Đình, Đạo Trù

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
23	Hòa Bình	Đại diện cho các phường/xã: phường Thống Nhất, Hòa Bình, Tân Hòa, Kỳ Sơn, xã Thịnh Minh
24	Kim Bôi	Đại diện cho các phường/xã: xã Kim Bôi, Mường Động, Nậm Sơn, Hợp Kim, Dũng Tiến
25	Lạc Thủy	Đại diện cho các phường/xã: xã Lạc Thủy, An Nghĩa, An Bình
26	Mai Châu	Đại diện cho các phường/xã: xã Mai Châu, Mai Hạ, Pà Cò, Bao La, Tân Mai
27	Lạc Sơn	Đại diện cho các phường/x: xã Lạc Sơn, Thượng Cốc, Ngọc Sơn, Quyết Thắng, Đại Đồng, Yên Phú, Mường Vang, Nhân Nghĩa
28	Yên Thủy	Đại diện cho các phường/xã: xã Yên Thủy, Yên Trị, Lạc Lương
29	Lương Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Lương Sơn, Liên Sơn, Cao Dương
30	Cao Phong	Đại diện cho các phường/xã: xã Cao Phong, Mường Thàng, Thung Nai
31	Đà Bắc	Đại diện cho các phường/xã: xã Đà Bắc, Cao Sơn, Tiên Phong, Tân Pheo, Đức Nhân, Quý Đức
32	Tân Lạc	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Lạc, Mường Bì, Mường Hoa, Toàn Thắng, Vân Sơn
TỈNH THÁI NGUYÊN		
1	Phan Đình Phùng	Đại diện cho các phường/xã: Phan Đình Phùng, Linh Sơn, Tích Lương, Gia Sàng, Quyết Thắng, Quan Triều, Tân Cương.
2	Sông Công	Đại diện cho các phường/xã: Sông Công, Bá Xuyên, Bách Quang
3	Định Hóa	Đại diện cho các phường/xã: Định Hóa, Bình Yên, Trung Hội, Phượng Tiến, Phú Đình, Bình Thành, Kim Phượng, Lam Vỹ.
4	Phú Lương	Đại diện cho các phường/xã: Phú Lương, Vô Tranh, Yên Trạch, Hợp Thành
5	Võ Nhai	Đại diện cho các phường/xã: Võ Nhai, Dân Tiến, Nghinh Tường, Thần Sa, La Hiên, Tràng Xá, Sảng Mộc
6	Đại Từ	Đại diện cho các phường/xã: Đại Từ, Đức Lương, Phú Thịnh, La Bằng, Phú Lạc, An Khánh, Quân Chu, Vạn Phú, Phú Xuyên, Đại Phúc.
7	Đồng Hỷ	Đại diện cho các phường/xã: Đồng Hỷ, Quang Sơn, Trại Cau, Nam Hòa, Văn Hán, Văn Lăng
8	Phú Bình	Đại diện cho các phường/xã: Phú Bình, Tân Thành, Diềm Thụy, Kha Sơn, Tân Khánh
9	Phổ Yên	Đại diện cho các phường/xã: Phổ Yên, Vạn Xuân, Trung Thành, Phúc Thuận, Thành Công

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
10	Bắc Kạn	Đại diện cho các phường/xã: Bắc Kạn, Đức Xuân
11	Chợ Đồn	Chợ Đồn, Yên Phong, Nghĩa Tá, Nam Cường, Quảng Bạch, Yên Thịnh
12	Bạch Thông	Đại diện cho các phường/xã: Phủ Thông, Cẩm Giàng, Vĩnh Thông, Bạch Thông, Phong Quang
13	Na Rì	Đại diện cho các phường/xã: Na Rì, Văn Lang, Cường Lợi, Trần Phú, Côn Minh, Xuân Dương
14	Ngân Sơn	Đại diện cho các phường/xã: Ngân Sơn, Bằng Vân, Nà Phặc, Thượng Quan, Hiệp Lực
15	Ba Bể	Đại diện cho các phường/xã: Ba Bể, Chợ Rã, Phúc Lộc, Thượng Minh, Đồng Phúc
16	Chợ Mới	Đại diện cho các phường/xã: Chợ Mới, Thanh Mai, Tân Kỳ, Thanh Thịnh, Yên Bình
17	Bằng Thành	Đại diện cho các phường/xã: Bằng Thành, Nghiên Loan, Cao Minh
TỈNH BẮC NINH		
1	Bắc Giang	Đại diện cho các phường/xã: phường Bắc Giang, Đa Mai, Tiền Phong, Tân Tiến
2	Sơn Động	Đại diện cho các phường/xã: xã Tuấn Đạo, Đại Sơn, Sơn Động, Tây Yên Tử, Dương Hưu, Yên Định, An Lạc, Vân Sơn
3	Lục Ngạn	Đại diện cho các phường/xã: phường Chũ và xã Kiên Lao, Biền Động, Lục Ngạn, Đèo Gia, Sơn Hải, Tân Sơn, Biên Sơn, Sa Lý
4	Hiệp Hòa	Đại diện cho các phường/xã: xã Xuân Cẩm, Hiệp Hòa, Hợp Thịnh, Hoàng Vân
5	Lục Nam	Đại diện cho các phường/xã: xã Lục Sơn, Trường Sơn, Cẩm Lý, Đông Phú, Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Lũng, Bảo Đài, Nam Dương và phường Phượng Sơn
6	Lạng Giang	Đại diện cho các phường/xã: xã Lạng Giang, Mỹ Thái, Kép, Tân Dĩnh, Tiên Lục
7	Tân Yên	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Yên, Ngọc Thiện, Nhã Nam, Phúc Hòa, Quang Trung
8	Việt Yên	Đại diện cho các phường/xã: phường Tụ Lạn, Việt Yên, Nénh, Vân Hà
9	Yên Dũng	Đại diện cho các phường/xã: phường Tân An, Yên Dũng, Cảnh Thụy và xã Đồng Việt
10	Yên Thế	Đại diện cho các phường/xã: xã Yên Thế, Bồ Hạ, Đồng Kỳ, Xuân Lương, Tam Tiến
11	Kinh Bắc	Đại diện cho các phường/xã: phường Kinh Bắc, Võ Cường, Vũ Ninh, Hạp Lĩnh, Nam Sơn
12	Yên Phong	Đại diện cho các phường/xã: xã Yên Phong, Văn Môn, Tam Giang, Yên Trung, Tam Đa

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
13	Gia Bình	Đại diện cho các phường/xã: xã Gia Bình, Nhân Thắng, Đại Lai, Cao Đức, Đông Cứu
14	Quế Võ	Đại diện cho các phường/xã: phường Quế Võ, Phương Liễu, Nhân Hòa, Đào Viên, Bồng Lai, xã Chi Lăng, xã Phù Lãng
15	Lương Tài	Đại diện cho các phường/xã: xã Lương Tài, Lâm Thao, Trung Chính, Trung Khê
16	Thuận Thành	Đại diện cho các phường/xã: phường Thuận Thành, Mão Điền, Trạm Lộ, Trí Quả, Song Liễu, Ninh Xá
17	Tiên Du	Đại diện cho các phường/xã: xã Liên Bảo, Tân Chi, Đại Đồng, Phật Tích
18	Từ Sơn	Đại diện cho các phường/xã: phường Từ Sơn, Tam Sơn, Đồng Nguyên, Phù Khê
TỈNH QUẢNG NINH		
1	Móng Cái	Đại diện cho các phường/xã: Móng Cái 1, Móng Cái 2, Móng Cái 3 và Vĩnh Thực
2	Quảng Hà	Đại diện cho các phường/xã: Quảng Hà, Đường Hoa, Quảng Đức, Hải Sơn, Hải Ninh, Đầm Hà, Cái Chiên
3	Bình Liêu	Đại diện cho các phường/xã: Hoành Mô, Lục Hồn, Bình Liêu, Điền Xá
4	Ba Chẽ	Đại diện cho các phường/xã: Ba Chẽ, Lương Minh, Kỳ Thượng
5	Tiên Yên	Đại diện cho các phường/xã: Tiên Yên, Đông Ngũ, Hải Lạng, Quảng Tân, Hải Hòa
6	Cẩm Phả	Đại diện cho các phường/xã: Mông Dương, Quang Hanh, Cẩm Phả, Cửa Ông
7	Vân Đồn	Đại diện cho Đặc khu Vân Đồn
8	Cô Tô	Đại diện cho Đặc khu Cô Tô
9	Hoành Bồ	Đại diện cho các phường/xã: Hoành Bồ, Quảng La, Thống Nhất
10	Hạ Long	Đại diện cho các phường/xã: Tuần Châu, Việt Hưng, Bãi Cháy, Hà Tu, Hà Lâm, Cao Xanh, Hồng Gai, Hạ Long
11	Quảng Yên	Đại diện cho các phường/xã: Đông Mai, Hiệp Hòa, Quảng Yên, Hà An, Phong Cốc, Liên Hòa
12	Uông Bí	Đại diện cho các phường/xã: Yên Tử, Vàng Danh, Uông Bí, Hoàng Quế
13	Đông Triều	Đại diện cho các phường/xã: An Sinh, Đông Triều, Bình Khê, Mạo Khê
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
1	Bạch Long Vỹ	Đại diện cho Đặc khu Bạch Long Vỹ
2	Thủy Nguyên	Đại diện cho các phường/xã: phường Thủy Nguyên, Thiên Hương, Hoà Bình, Nam Triệu, Bạch Đằng, Lưu Kiếm, Lê Ích Mộc và xã Việt Khê
3	Đồ Sơn	Đại diện cho các phường/xã: phường Nam Đồ Sơn, Đồ Sơn
4	Kiến An	Đại diện cho các phường/xã: phường Kiến An, phường Phù Liễn
5	Dương Kinh	Đại diện cho các phường/xã: Phường Dương Kinh, phường Hưng Đạo, xã Kiến Thụy, xã Kiến Minh, xã Kiến Hải, xã Kiến Hưng, xã Nghi Dương
6	Lê Chân	Đại diện cho các phường/xã: phường Hồng Bàng, Hồng An, Ngô Quyền, Gia Viên, Lê Chân, An Biên
7	Hải An	Đại diện cho các phường/xã: phường Hải An, Đông Hải
8	An Dương	Đại diện cho các phường/xã: phường An Dương, An Hải, An Phong
9	Tiên Lãng	Đại diện cho các phường/xã: xã Quyết Thắng, Tiên Lãng, Tân Minh, Tiên Minh, Chấn Hưng, Hùng Thắng
10	An Lão	Đại diện cho các phường/xã: xã An Hưng, An Khánh, An Quang, An Trường, An Lão
11	Cát Hải	Đại diện cho Đặc khu Cát Hải
12	Vĩnh Bảo	Đại diện cho các phường/xã: xã Vĩnh Bảo, Nguyễn Bình Khiêm, Vĩnh Am, Vĩnh Hải, Vĩnh Hoà, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thuận
13	Hải Dương	Đại diện cho các phường/xã: phường Hải Dương, Lê Thanh Nghị, Việt Hoà, Thành Đông, Nam Đồng, Tân Hưng, Thạch Khôi, Tứ Minh, Ái Quốc và xã Nam Sách, Thái Tân
14	Chí Linh	Đại diện cho các phường/xã: phường Chu Văn An, Chí Linh, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Trần Nhân Tông, Lê Đại Hành và xã Hợp Tiến, Trần Phú, An Phú
15	Thanh Hà	Đại diện cho các phường/xã: xã Thanh Hà, Hà Tây, Hà Bắc, Hà Nam, Hà Đông
16	Kim Thành	Đại diện cho các phường/xã: xã Kim Thành, Phú Thái, Lai Khê, An Thành
17	Ninh Giang	Đại diện cho các phường/xã: xã Ninh Giang, Vĩnh Lại, Khúc Thừa Dụ, Tân An, Hồng Châu
18	Cẩm Giàng	Đại diện cho các phường/xã: xã Cẩm Giàng, Tuệ Tĩnh, Mao Điền, Cẩm Giàng, Kẻ Sặt, Bình Giang, Đường An
19	Thanh Miện	Đại diện cho các phường/xã: xã Thanh Miện, Bắc Thanh Miện, Hải Hưng, Nguyễn Lương Bằng, Nam Thanh Miện, Thượng Hồng, Trường Tân

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
20	Kinh Môn	Đại diện cho các phường/xã: phường Kinh Môn, Nguyễn Đại Năng, Trần Liễu, Bắc An Phụ, Phạm Sư Mạnh, Nhị Chiểu và xã Nam An Phụ
21	Tứ Kỳ	Đại diện cho các phường/xã: xã Tứ Kỳ, Tân Kỳ, Đại Sơn, Chí Minh, Lạc Phượng, Nguyên Giáp, Gia Lộc, Yết Kiêu, Gia Phúc
THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
1	Sơn Tây	Đại diện cho các phường/xã: phường Sơn Tây, xã Phúc Lộc, xã Phúc Thọ, xã Thạch Thất, xã Đoài Phương, phường Tùng Thiện
2	Vân Đình	Đại diện cho các phường/xã: xã Phúc Sơn, Ứng Thiên, Vân Đình, Hòa Xá, Hương Sơn, Mỹ Đức, Hồng Sơn
3	Phú Xuyên	Đại diện cho các phường/xã: xã Phượng Dực, Phú Xuyên, Đại Xuyên, Chuyên Mỹ, Ứng Hòa
4	Quốc Oai	Đại diện cho các phường/xã: xã Sơn Đồng, Quốc Oai, An Khánh, Hưng Đạo
5	Ba Vì	Đại diện cho các phường/xã: xã Suối Hai, Ba Vì, Yên Bài
6	Bát Bạt	Đại diện cho các phường/xã: xã Cổ Đô, Vật Lại, Minh Châu, Quảng Oai, Bát Bạt
7	Sóc Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Trung Dã, Kim Anh, Nội Bài, Sóc Sơn, Đa Phúc
8	Đông Anh	Đại diện cho các phường/xã: xã Đông Anh, Thụ Lâm, Phúc Thịnh, Thiên Lộc, Vĩnh Thanh
9	Hoài Đức	Đại diện cho các phường/xã: xã Liên Minh, Ô Diên, Hoài Đức, Dương Hòa, Đan Phượng, Hát Môn
10	Xuân Mai	Đại diện cho các phường/xã: xã Xuân Mai, Phú Nghĩa, Quảng Bị, Hòa Phú, Trần Phú
11	Hòa Lạc	Đại diện cho các phường/xã: xã Yên Xuân, Hòa Lạc, Hạ Bằng, Tây Phương, Kiều Phú, Phú Cát
12	Từ Liêm	Đại diện cho các phường/xã: phường Xuân Phương, Tây Mỗ, Từ Liêm
13	Hoàn Kiếm	Đại diện cho các phường/xã: phường Đồng Đa, Văn Miếu, Ô Chợ Dừa, Hoàn Kiếm, Cửa Nam, Hai Bà Trưng, Kim Liên, Bạch Mai
14	Láng	Đại diện cho các phường/xã: phường Cầu Giấy, Nghĩa Đô, Giảng Võ, Láng, Yên Hòa
15	Hà Đông	Đại diện cho các phường/xã: phường Đại Mỗ, Hà Đông, Thanh Liệt, Kiến Hưng Dương Nội
16	Chương Mỹ	Đại diện cho các phường/xã: phường Chương Mỹ, xã Bình Minh, phường Phú Lương, phường Yên Nghĩa
17	Thanh Trì	Đại diện cho các phường/xã: xã Ngọc Hồi, Nam Phú, Thanh Trì, Đại Thanh

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
18	Thanh Oai	Đại diện cho các phường/xã: xã Tam Hưng, Thường Tín, Hồng Vân, Chương Dương, Thượng Phúc, Dân Hòa, Thanh Oai
19	Ba Đình	Đại diện cho các phường/xã: phường Ba Đình, Hồng Hà, Ba Đình, Ngọc Hà
20	Gia Lâm	Đại diện cho các phường/xã: phường Gia Lâm, xã Thuận An, Phù Đồng và phường Việt Hưng, Phúc Lợi, Bồ Đề, Long Biên
21	Thanh Xuân	Đại diện cho các phường/xã: phường Thanh Xuân, Khương Đình, Phương Liệt, Định Công, Hoàng Liệt
22	Hoàng Mai	Đại diện cho các phường/xã: phường Tương Mai, Vĩnh Tuy, Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Yên Sở, Lĩnh Nam, Bát Tràng
23	Thượng Cát	Đại diện cho các phường/xã: phường Thượng Cát, Đông Ngạc, Phú Thượng, Xuân Đình, Phú Diễn, Tây Tựu
24	Mê Linh	Đại diện cho các phường/xã: xã Tiến Thắng, Quang Minh, Mê Linh, Yên Lãng
TỈNH HƯNG YÊN		
1	Thái Bình	Đại diện cho các phường/xã: Thái Bình, Trà Lý, Trần Hưng Đạo, Trần Lãm, Vũ Phúc
2	Hưng Hà	Đại diện cho các phường/xã: Hưng Hà, Long Hưng, Hồng Minh, Lê Quý Đôn, Tiên La, Thần Khê, Diên Hà, Ngự Thiên
3	Đông Hưng	Đại diện cho các phường/xã: Đông Hưng, Bắc Đông Hưng, Nam Đông Hưng, Bắc Tiên Hưng, Đông Tiên Hưng, Tiên Hưng, Nam Tiên Hưng, Đông Quan, Bắc Đông Quan
4	Quỳnh Phụ	Đại diện cho các phường/xã: Quỳnh Phụ, Minh Thọ, Nguyễn Du, Quỳnh An, Ngọc Lâm, Đồng Bằng, A Sào, Phụ Dực, Tân Tiến.
5	Thái Thụy	Đại diện cho các phường/xã: Thái Thụy, Đông Thụy Anh, Bắc Thụy Anh, Thụy Anh, Nam Thụy Anh, Bắc Thái Ninh, Thái Ninh, Nam Thái Ninh, Tây Thái Ninh, Tây Thụy Anh, Đông Thái Ninh
6	Vũ Thư	Đại diện cho các phường/xã: Vũ Thư, Thư Trì, Tân Thuận, Thư Vũ, Vũ Tiên, Vạn Xuân.
7	Vũ Quý	Đại diện cho các phường/xã: Kiến Xương, Lê Lợi, Quang Lịch, Vũ Quý, Bình Thanh, Bình Định, Hồng Vũ, Bình Nguyên, Trà Giang.
8	Tiền Hải	Đại diện cho các phường/xã: Tiền Hải, Tây Tiền Hải, Đồng Châu, Đông Tiền Hải
9	Tiên Lữ	Đại diện cho các phường/xã: Hoàng Hoa Thám, Tiên Lữ, Tiên Hoa
10	Hưng Phú	Đại diện cho các phường/xã: Nam Cường, Hưng Phú, Nam Tiền Hải, Ái Quốc
11	Quang Hưng	Đại diện cho các phường/xã: Quang Hưng, Đoàn Đào, Tiên Tiến, Tổng Trân.

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
12	Ân Thi	Đại diện cho các phường/xã: Ân Thi, Xuân Trúc, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trãi, Hồng Quang
13	Lương Bằng	Đại diện cho các phường/xã: Lương Bằng, Hiệp Cường, Nghĩa Dân, Đức Hợp
14	Khoái Châu	Đại diện cho các phường/xã: Khoái Châu, Triệu Việt Vương, Việt Tiến, Chí Minh, Châu Ninh
15	Văn Giang	Đại diện cho các phường/xã: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Văn Giang, Mỹ Sở
16	Yên Mỹ	Đại diện cho các phường/xã: Yên Mỹ, Việt Yên, Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh
17	Như Quỳnh	Đại diện cho các phường/xã: Như Quỳnh, Lạc Đạo, Đại Đồng.
18	Mỹ Hào	Đại diện cho các phường/xã: Mỹ Hào, Đường Hào, Thượng Hồng
19	Phổ Hiến	Đại diện cho các phường/xã: Sơn Nam, Phổ Hiến, Hồng Châu, Tân Hưng
TỈNH NINH BÌNH		
1	Nam Định	Đại diện cho các phường/xã: phường Nam Định, Thiên Trường, Đông A, Vị Khê, Thành Nam, Trường Thi, Mỹ Lộc, Hồng Quang
2	Ý Yên	Đại diện cho các phường/xã: xã Ý Yên, Yên Đồng, Yên Cường, Vạn Thắng, Vũ Dương, Tân Minh, Phong Doanh
3	Vụ Bản	Đại diện cho các phường/xã: xã Vụ Bản, Hiến Khánh, Liên Minh, Minh Tân
4	Cổ Lễ	Đại diện cho các phường/xã: xã Cổ Lễ, Ninh Giang, Cát Thành, Trục Ninh, Quang Hưng, Minh Thái, Ninh Cường
5	Nghĩa Hưng	Đại diện cho các phường/xã: xã Nghĩa Hưng, Đồng Thịnh, Nghĩa Sơn, Hồng Phong, Quỹ Nhất, Nghĩa Lâm, Rạng Đông
6	Hải Hậu	Đại diện cho các phường/xã: xã Hải Hưng, Hải Anh, Hải Hậu, Hải Tiến, Hải An, Hải Quang, Hải Xuân, Hải Thịnh .
7	Xuân Trường	Đại diện cho các phường/xã: xã Xuân Trường, Xuân Hưng, Xuân Giang, Xuân Hồng
8	Giao Thủy	Đại diện cho các phường/xã: xã Giao Minh, Giao Hoà, Giao Thủy, Giao Phúc, Giao Hưng, Giao Bình, Giao Ninh
9	Nam Trực	Đại diện cho các phường/xã: xã Nam Trực, Nam Minh, Nam Đồng, Nam Ninh, Nam Hồng
10	Hoa Lư	Đại diện cho các phường/xã: phường Nam Hoa Lư, Đông Hoa Lư, Hoa Lư
11	Nho Quan	Đại diện cho các phường/xã: xã Nho Quan, Gia Lâm, Gia Tường, Phú Sơn, Phú Long, Thanh Sơn, Quỳnh Lưu
12	Cúc Phương	Đại diện cho phường/xã: xã Cúc Phương

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
13	Tam Điệp	Đại diện cho các phường/xã: phường Tam Điệp, Yên Sơn, Trung Sơn, Yên Thắng
14	Phát Diệm	Đại diện cho các phường/xã: xã Phát Diệm, Chắt Bình, Kim Sơn, Quang Thiện, Lai Thành, Định Hóa, Bình Minh, Kim Đông
15	Yên Mô	Đại diện cho các phường/xã: xã Yên Mô, Yên Từ, Yên Mạc, Đồng Thái
16	Yên Khánh	Đại diện cho các phường/xã: xã Yên Khánh, Khánh Nhạc, Khánh Thiện, Khánh Hội, Khánh Trung
17	Hoa Lư	Đại diện cho các phường/xã: phường Hoa Lư, Tây Hoa Lư
18	Gia Viễn	Đại diện cho các phường/xã: xã Gia Viễn, Đại Hoàng, Gia Hưng, Gia Phong, Gia Vân, Gia Trấn
19	Phủ Lý	Đại diện cho các phường/xã: phường Hà Nam, Phủ Lý, Phù Vân, Châu Sơn, Liêm Tuyền
20	Duy Tiên	Đại diện cho các phường/xã: phường Duy Tiên, Duy Tân, Đồng Văn, Duy Hà, Tiên Sơn
21	Tam Chúc	Đại diện cho các phường/xã: phường Lê Hồ, Nguyễn Úy, Lý Thường Kiệt, Kim Thanh, Tam Chúc, Kim Bảng
22	Bình Mỹ	Đại diện cho các phường/xã: xã Bình Lục, Bình Mỹ, Bình An, Bình Giang, Bình Sơn.
23	Vĩnh Trụ	Đại diện cho các phường/xã: xã Lý Nhân, Nam Xang, Bắc Lý, Vĩnh Trụ, Trần Thương, Nhân Hà, Nam Lý
24	Tân Thanh	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Thanh, Thanh Bình, Thanh Lâm, Thanh Liêm, Liêm Hà
TỈNH THANH HÓA		
1	Hạc Thành	Đại diện cho các phường/xã: phường Hàm Rồng, Nguyệt Viên, Hạc Thành, Quảng Phú
2	Sầm Sơn	Đại diện cho các phường/xã: phường Sầm Sơn, Nam Sầm Sơn
3	Bỉm Sơn	Đại diện cho Phường Quang Trung; Phường Bỉm Sơn
4	Đông Sơn	Đại diện cho các phường/xã: phường Đông Sơn, Đông Quang, Đông Tiến
5	Quảng Chính	Đại diện cho các phường/xã: xã Lưu Vệ, Quảng Yên, Quảng Ninh, Quảng Ngọc, Quảng Bình, Quảng Chính, Tiên Trang
6	Hoàng Hóa	Đại diện cho các phường/xã: xã Hoàng Quang, Hoàng Phú, Hoàng Sơn, Hoàng Hoá, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Châu, Hoàng Lộc
7	Hậu Lộc	Đại diện cho các phường/xã: xã Đông Thành, Triệu Lộc, Hoa Lộc, Vạn Lộc, Hậu Lộc

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
8	Hà Trung	Đại diện cho các phường/xã: xã Hà Long, Tống Sơn, Hoạt Giang, Lĩnh Toại, Hà Trung
9	Nga Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Ba Đình, Nga An, Hồ Vương, Tân Tiến, Nga Sơn, Nga Thắng
10	Thiệu Hóa	Đại diện cho các phường/xã: xã Thiệu Tiến, Thiệu Hoá, Thiệu Quang, Thiệu Toán, Thiệu Trung
11	Triệu Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Thọ Ngọc, Thọ phú, Thọ Bình, Triệu Sơn, Hợp Tiến, An Nông, Tân Ninh, Đồng Tiến
12	Yên Định	Đại diện cho các phường/xã: xã Quý Lộc, Yên Phú, Yên Trường, Yên Ninh, Yên Định, Định Tân, Định Hoà
13	Nghi Sơn	Đại diện cho các phường/xã: phường Ngọc Sơn, Tân Dân; xã Các Sơn; phường Hải Lĩnh, Tĩnh Gia, Đào Duy Từ, Trúc Lâm; xã Trường Lâm; phường Hải Bình, Nghi Sơn
14	Nông Cống	Đại diện cho các phường/xã: xã Trung Chính, Thắng Lợi, Nông Cống, Trường Văn, Thắng Bình, Tượng Lĩnh, Công chính
15	Ngọc Lặc	Đại diện cho các phường/xã: xã Thạch Lập, Ngọc Lặc, Ngọc Liên, Minh Sơn, Nguyệt Ấn, Kiên Thọ
16	Cẩm Thủy	Đại diện cho các phường/xã: xã Cẩm Tú, Cẩm Thạch, Cẩm Thủy, Cẩm Tân, Cẩm Vân
17	Kim Tân	Đại diện cho các phường/xã: xã Thạch Quảng, Thành Vinh, Thạch Bình, Vân Du, Kim Tân, Ngọc Trạo
18	Vĩnh Lộc	Đại diện cho các phường/xã: xã Tây Đô, Vĩnh lộc, Biện Thượng
19	Lam Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Xuân Tín, Thọ Lập, Xuân Lập, Xuân Hoà, Thọ Xuân, Lam Sơn, Sao Vàng, Thọ Long
20	Như Thanh	Đại diện cho các phường/xã: xã Xuân Du, Mậu Lâm, Như Thanh, Yên Thọ, Xuân Thái, Thanh Kỳ
21	Như Xuân	Đại diện cho các phường/xã: xã Thượng Ninh, Thanh Quân, Như Xuân, Thanh Phong, Hoá Quỳ, Xuân Bình
22	Thường Xuân	Đại diện cho các phường/xã: xã Bát Mọt, Yên Nhân, Lương Sơn, Vạn Xuân, Thường Xuân, Luận Thành, Tân Thành, Thắng Lộc, Xuân Chinh
23	Linh Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Văn Phú, Đồng Lương, Yên Thắng, Yên Khương, Linh Sơn, Giao An
24	Thiết Ống	Đại diện cho các phường/xã: xã Cổ Lũng, Pù Luông, Bá Thước, Quý Lương, Điền Lư, Thiết Ống, Điền Quang, Văn Nho
25	Hồi Xuân	Đại diện cho các phường/xã: xã Trung Sơn, Trung Thành, Phú Lệ, Phú Xuân, Hiền Kiệt, Nam Xuân, Hồi Xuân, Thiên phủ
26	Quan Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Sơn Thủy, Na Mèo, Mường Mìn, Sơn Điện, Trung Hạ, Quan Sơn, Tam Lư, Tam Thanh
27	Mường Lát	Đại diện cho các phường/xã: xã Tam chung, Mường Lý, Mường Lát, Trung Lý, Nhi Sơn, Phù Nhi, Quang Chiêu, Mường Chanh

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
TỈNH NGHỆ AN		
1	Tây Hiếu	Đại diện cho các phường/xã: Đông Hiếu, Tây Hiếu, Thái Hòa
2	Anh Sơn	Đại diện cho các phường/xã: Anh Sơn, Anh Sơn Đông, Nhân Hòa, Thành Bình Thọ, Vĩnh Tường, Yên Xuân
3	Yên Thành	Đại diện cho các phường/xã: Bình Minh, Đông Thành, Giai Lạc, Hợp Minh, Quan Thành, Quang Đồng, Vân Du, Vân Tụ, Yên Thành
4	Tân Kỳ	Đại diện cho các phường/xã: Giai Xuân, Nghĩa Đồng, Nghĩa Hành, Tân An, Tân Kỳ, Tân Phú, Tiên Đồng, Tân Châu
5	Con Cuông	Đại diện cho các phường/xã: Bình Chuẩn, Cam Phục, Châu Khê, Con Cuông, Mậu Thạch, Môn Sơn
6	Kim Liên	Đại diện cho các phường/xã: Đại Huệ, Kim Liên, Nam Đàn, Thiên Nhẫn, Vạn An
7	Mường Xén	Đại diện cho các phường/xã: Bắc Lý, Chiêu Lưu, Huồi Tụ, Hữu Kiệm, Keng Đu, Mường Cạ, Mường Lống, Mường Típ, Mỹ Lý, Na Loi, Na Ngòi, Nậm Cắn
8	Hoàng Mai	Đại diện cho các phường/xã: Hoàng Mai, Quỳnh Mai, Tân Mai
9	Tương Dương	Đại diện cho các phường/xã: Hữu Khuông, Lượng Minh, Nga My, Nhôn Mai, Tam Quang, Tam Thái, Tương Dương, Yên Hòa, Yên Na
10	Trường Vinh	Đại diện cho các phường/xã: Thành Vinh, Trường Vinh, Vinh Hưng, Vinh Lộc, Vinh Phú
11	Cửa Lò	Đại diện cho các phường/xã: Cửa Lò, Đông Lộc, Hải Lộc, Trung Lộc
12	Nghi Lộc	Đại diện cho các phường/xã: Nghi Lộc, Phúc Lộc, Thần Lĩnh, Văn Kiều
13	Quỳ Hợp	Đại diện cho các phường/xã: Châu Hồng, Châu Lộc, Minh Hợp, Mường Chộng, Mường Ham, Quỳ Hợp, Tam Hợp
14	Nghĩa Đàn	Đại diện cho các phường/xã: Nghĩa Đàn, Nghĩa Hưng, Nghĩa Khánh, Nghĩa Lâm, Nghĩa Lộc, Nghĩa Mai, Nghĩa Thọ
15	Quỳ Châu	Đại diện cho các phường/xã: Châu Bình, Châu Tiến, Hạnh Thiết, Hùng Chân, Quỳ Châu
16	Sơn Lâm	Đại diện cho các phường/xã: Bích Hào, Cát Ngạn, Đại Đồng, Hạnh Lâm, Hoa Quân, Kim Bảng, Sơn Lâm, Tam Đồng, Xuân Lâm
17	Hưng Nguyên	Đại diện cho các phường/xã: Hưng Nguyên, Hưng Nguyên Nam, Lam Thành, Yên Trung
18	Đô Lương	Đại diện cho các phường/xã: Bạch Hà, Bạch Ngọc, Đô Lương, Lương Sơn, Thuận Trung, Văn Hiến

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
19	Quế Phong	Đại diện cho các phường/xã: Mường Quàng, Quế Phong, Thông Thụ, Tiên Phong, Tri Lễ
20	Quỳnh Lưu	Đại diện cho các phường/xã: Quỳnh Anh, Quỳnh Lưu, Quỳnh Phú, Quỳnh Sơn, Quỳnh Tam, Quỳnh Thắng, Quỳnh Văn
21	Diễn Châu	Đại diện cho các phường/xã: An Châu, Diễn Châu, Đức Châu, Hải Châu, Hùng Châu, Minh Châu, Quảng Châu
TỈNH HÀ TĨNH		
1	Thành Sen	Đại diện cho các phường/xã: phường Thành Sen, Trần Phú, Hà Huy Tập và xã Thạch Lạc, Đồng Tiến, Thạch Khê, Cẩm Bình
2	Bắc Hồng Lĩnh	Đại diện cho các phường/xã: phường Bắc Hồng Lĩnh, phường Nam Hồng Lĩnh
3	Can Lộc	Đại diện cho các phường/xã: xã Can Lộc, Tùng Lộc, Gia Hanh, Trường Lưu, Xuân Lộc, Đồng Lộc
4	Thạch Hà	Đại diện cho các phường/xã: xã Thạch Hà, Toàn Lưu, Việt Xuyên, Đông Kinh, Thạch Xuân, Lộc Hà, Hồng Lộc, Mai Phụ
5	Vũ Quang	Đại diện cho các phường/xã: xã Vũ Quang, Mai Hoa, Thượng Đức
6	Nghi Xuân	Đại diện cho các phường/xã: xã Tiên Điền, Nghi Xuân, Cổ Đạm, Đan Hải.
7	Đức Thọ	Đại diện cho các phường/xã: xã Đức Thọ, Đức Quang, Đức Đồng, Đức Thịnh, Đức Minh
8	Hương Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Hương Sơn, Sơn Tây, Tứ Mỹ, Sơn Giang, Sơn Tiến, Sơn Hồng, Kim Hoa, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2
9	Hương Khê	Đại diện cho các phường/xã: xã Hương Khê, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Phúc Trạch, Hương Xuân
10	Cẩm Xuyên	Đại diện cho các phường/xã: xã Cẩm Xuyên, Thiên Cẩm, Cẩm Duệ, Cẩm Hưng, Cẩm Lạc, Cẩm Trung, Yên Hòa
11	Kỳ Anh	Đại diện cho các phường/xã: xã Kỳ Xuân, Kỳ Anh, Kỳ Hoa, Kỳ Văn, Kỳ Khang, Kỳ Lạc, Kỳ Thượng
12	Hoành Sơn	Đại diện cho các phường/xã: phường Sông Trí, Hải Ninh, Hoành Sơn, Vũng Áng
TỈNH QUẢNG TRỊ		
1	Minh Hóa	Đại diện cho các phường/xã: xã Tuyên Lâm, Dân Hoá, Kim Điền, Tân Thành, Minh Hoá
2	Đồng Lê	Đại diện cho các phường/xã: xã Tuyên Phú, Tuyên Bình, Tuyên Hoá, Tuyên Sơn, Đồng Lê
3	Phú Trạch	Đại diện cho các phường/xã: xã Phú Trạch, Hoà Trạch, Trung Thuần, Quảng Trạch
4	Ba Đồn	Đại diện cho các phường/xã: Tân Gianh, Ba Đồn, Nam Ba Đồn, Bắc Gianh, Nam Gianh, Bắc Trạch

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
5	Phong Nha	Đại diện cho các phường/xã: xã Kim Phú, Phong Nha, Thượng Trạch
6	Hoàn Lão	Đại diện cho các phường/xã: xã Bồ Trạch, Đông Trạch, Hoàn Lão, Nam Trạch
7	Trường Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Trường Sơn
8	Đồng Hới	Đại diện cho các phường/xã: Đồng Hới, Đồng Thuận, Đồng Sơn, Quảng Ninh, Ninh Châu, Trường Ninh
9	Lệ Thủy	Đại diện cho các phường/xã: xã Lệ Thủy, Lệ Ninh, Cam Hồng, Trường Phú, Sen Ngư, Tân Mỹ
10	Kim Ngân	Đại diện cho các phường/xã: xã Kim Ngân
11	Vĩnh Linh	Đại diện cho các phường/xã: xã Vĩnh Linh, Cửa Tùng, Vĩnh Hoàng, Vĩnh Thủy
12	Cồn Tiên	Đại diện cho các phường/xã: xã Bến Quan, Cồn Tiên
13	Gio Linh	Đại diện cho các phường/xã: xã Gio Linh và Bến Hải
14	Cửa Việt	Đại diện cho các phường/xã: xã Cửa Việt, Nam Cửa Việt, Triệu Cơ
15	Cam Lộ	Đại diện cho các phường/xã: xã Cam Lộ và Hiếu Giang
16	Đông Hà	Đại diện cho các phường/xã: Đông Hà và Nam Đông Hà
17	Quảng Trị	Đại diện cho các phường/xã: Phường Quảng Trị, Ái Tử, Triệu Phong và Triệu Bình
18	Hải Lăng	Đại diện cho các phường/xã: xã Hải Lăng, Nam Hải Lăng, Diên Sanh, Vĩnh Định và Mỹ Thủy
19	Đakrông	Đại diện cho các phường/xã: xã Hướng Hiệp, Đakrông, Ba Lòng, La Lay và Tà Rụt
20	Khe Sanh	Đại diện cho các phường/xã: xã Khe Sanh, Hướng Lập, Hướng Phùng, Tân Lập, Lao Bảo, Lìa và A Dơi
21	Cồn Cỏ	Đại diện cho Đặc khu Cồn Cỏ
THÀNH PHỐ HUẾ		
1	Thuận Hóa	Đại diện cho các phường/xã: phường Phú Xuân, Thuận Hóa, An Cựu, Thủy Xuân, Vỹ Dạ, Kim Long
2	Hương Trà	Đại diện cho các phường/xã: phường Hương Trà, Kim Trà, Hương An, xã Bình Điền
3	Phong Điền	Đại diện cho các phường/xã: phường Phong Điền, Phong Thái

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
4	Phú Bài	Đại diện cho các phường/xã: phường Phú Bài, Thanh Thủy, Hương Thủy
5	Chân Mây- Lăng Cô	Đại diện cho các phường/xã: xã Chân Mây-Lăng Cô
6	Phú Lộc	Đại diện cho các phường/xã: xã Phú Lộc, Hưng Lộc, Lộc An, Vinh Lộc
7	Thuận An	Đại diện cho các phường/xã: phường Thuận An, Dương Nỗ, Hòa Châu, Mỹ Thượng
8	A Lưới 3	Đại diện cho các phường/xã: xã A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5
9	Nam Đông	Đại diện cho các phường/xã: xã Nam Đông, Long Quảng, Khe Tre
10	Quảng Điền	Đại diện cho các phường/xã: phường Phong Phú, phường Phong Dinh, phường Phong Quảng, xã Đan Điền, xã Quảng Điền
11	Phú Vang	Đại diện cho các phường/xã: xã Phú Hồ, Phú Vinh, Phú Vang
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG		
1	Hải Châu	Đại diện cho các phường/xã: phường Hải Châu, phường Hòa Cường, phường Thanh Khê
2	Cẩm Lệ	Đại diện cho các phường/xã: phường An Khê, phường Cẩm Lệ
3	Sơn Trà	Đại diện cho các phường/xã: phường Sơn Trà, Phường An Hải
4	Hòa Khánh	Đại diện cho các phường/xã: phường Hòa Khánh, phường Liên Chiểu
5	Ngũ Hành Sơn	Đại diện cho các phường/xã: phường Ngũ Hành Sơn
6	Hòa Tiến	Đại diện cho các phường/xã: phường Hòa Xuân, xã Hòa Vang, xã Hòa Tiến
7	Hải Vân	Đại diện cho các phường/xã: phường Hải Vân, xã Bà Nà
8	Hoàng Sa	Đại diện cho đặc khu Hoàng Sa
9	Tam Kỳ	Đại diện cho các phường/xã: phường Tam Kỳ, Hương Trà, Quảng Phú, Bàn Thạch; các xã: Tây Hồ, Chiên Đàn và Phú Ninh
10	Thăng Bình	Đại diện cho các phường/xã: xã Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điện, Thăng Phú và Đồng Dương
11	Hội An	Đại diện cho các phường/xã: phường Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây và xã Tân Hiệp
12	Điện Bàn	Đại diện cho các phường/xã: phường Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, các xã: Gò Nổi,

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
13	Đại Lộc	Đại diện cho các phường/xã: xã Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận; Duy Nghĩa, Nam Phước, Duy Xuyên và Thu Bồn
14	Núi Thành	Đại diện cho các phường/xã: xã Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Đức Phú, Tam Xuân, Tam Hải
15	Tiên Phước	Đại diện cho các phường/xã: xã Lãnh Ngọc, Tiên Phước, Thanh Bình và Sơn Cẩm Hà
16	Trà My	Đại diện cho các phường/xã: xã Trà My, Trà Liên, Trà Giáp, Trà Tân, Trà Đốc; Nam Trà My, Trà Tập, Trà Vân, Trà Linh, Trà Dơn
17	Khâm Đức	Đại diện cho các phường/xã: xã Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp
18	Thạnh Mỹ	Đại diện cho các phường/xã: xã Thạnh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dêê, La Êê
19	Quế Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước Hiệp Đức, Việt An và Phước Trà
20	Đông Giang	Đại diện cho các phường/xã: xã Đông Giang, Sông Vàng, Sông Kôn và Bến Hiên;
21	Tây Giang	Đại diện cho các phường/xã: xã Avương, Tây Giang và Hùng Sơn
TỈNH QUẢNG NGÃI		
1	Cẩm Thành	Đại diện cho các phường/xã: phường Nghĩa Lộ, Cẩm Thành, Trương Quang Trọng và xã Tịnh Khê, An Phú, Trường Giang, Ba Gia, Sơn Tịnh, Thọ Phong, Tư Nghĩa, Vệ Giang, Nghĩa Giang, Trà Giang, Nghĩa Hành, Đình Cương, Thiện Tín, Phước Giang
2	Ba Tơ	Đại diện cho các phường/xã: xã Ba Tơ, Ba Vì, Ba Tô, Ba Dinh, Ba Vinh, Ba Động, Đặng Thuỳ Trâm, Trà Bồng, Đông Trà Bồng, Tây Trà, Thanh Bồng, Cà Đam, Tây Trà Bồng, Sơn Hạ, Sơn Linh, Sơn Hà, Sơn Thủy, Sơn Kỳ, Sơn Tây, Sơn Tây Thượng, Sơn Tây Hạ, Minh Long, Sơn Mai
3	Đức Phổ	Đại diện cho các phường/xã: phường Đức Phổ, Sa Huỳnh, Trà Câu và xã Nguyễn Nghiêm, Khánh Cường, Long Phụng, Mỏ Cày, Mộ Đức, Lân Phong
4	Bình Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Bình Sơn, Bình Minh, Bình Chương, Vạn Tường, Đông Sơn
5	Lý Sơn	Đại diện cho đặc khu Lý Sơn
6	Kon Tum	Đại diện cho các phường/xã: phường Kon Tum, Đăk Cẩm, Đăk Bla và xã Ngọc Bay, Ia Chim, Đăk Rơ Wa
7	Sa Thầy	Đại diện cho các phường/xã: xã Sa Thầy, Sa Bình, Rờ Koi, Ya Ly
8	Kon Brai	Đại diện cho các phường/xã: xã Kon Brai, Đăk Kôi, Đăk Rve

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
9	Măng Đen	Đại diện cho các phường/xã: xã Măng Đen, Kon Plong
10	Đăk Hà	Đại diện cho các phường/xã: xã Đăk Pxi, Đăk Mar, Đăk Ui, Ngọc Réo, Đăk Hà
11	Đăk Tô	Đại diện cho các phường/xã: xã Ngọc Tụ, Kon Đào, Đăk Tô
12	Tu Mơ Rông	Đại diện cho các phường/xã: xã Tu Mơ Rông, Đăk Sao, Đăk Tờ Kan
13	Pờ Y	Đại diện cho các phường/xã: xã Pờ Y, Dục Nông, Đăk Môn, Sa Loong
14	Đăk Pék	Đại diện cho các phường/xã: xã Đăk Pék, Đăk Plo, Đăk Long
15	Ia Đal	Đại diện cho các phường/xã: xã Ia Đal, Ia Toi, Mo Rai
16	Ngọc Linh	Đại diện cho các phường/xã: xã Ngọc Linh, Xốp, Măng Ri, Măng Bút
TỈNH GIA LAI		
1	An Lão	Đại diện cho các phường/xã: xã An Lão, An Hòa, An Vinh, An Toàn
2	Hoài Ân	Đại diện cho các phường/xã: xã Hoài Ân, Ân Tường, Kim Sơn, Vạn Đức, Ân Hảo
3	Hoài Nhơn	Đại diện cho các phường/xã: phường Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Tam Quan, Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn Bắc
4	Phù Mỹ	Đại diện cho các phường/xã: xã Phù Mỹ, An Lương, Bình Dương, Phù Mỹ Đông, Phù Mỹ Tây, Phù Mỹ Nam, Phù Mỹ Bắc
5	Phù Cát	Đại diện cho các phường/xã: xã Phù Cát, Xuân An, Đề Gi, Hòa Hội
6	An Nhơn	Đại diện cho các phường/xã: phường Bình Định, An Nhơn, An Nhơn Đông, An Nhơn Bắc, An Nhơn Nam và xã An Nhơn Tây
7	Vĩnh Thạnh	Đại diện cho các phường/xã: xã Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Quang, Vĩnh Sơn
8	Tây Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Tây Sơn, Bình Khê, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Hội Sơn
9	Vân Canh	Đại diện cho các phường/xã: xã Vân Canh, Canh Vinh, Canh Liên, phường Quy Nhơn Tây
10	Tuy Phước	Đại diện cho các phường/xã: xã Tuy Phước, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Tây, Tuy Phước Bắc
11	Cát Tiến	Đại diện cho các phường/xã: xã Cát Tiến, Ngô Mây, phường Quy Nhơn Đông, xã Nhơn Châu

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
12	Quy Nhơn	Đại diện cho các phường/xã: phường Quy Nhơn, Quy Nhơn Bắc, Quy Nhơn Nam
13	Pleiku	Đại diện cho các phường/xã: phường Pleiku, Hội Phú, Thống Nhất, Diên Hồng, An Phú, xã Biển Hồ, xã Gào
14	Đak Đoa	Đại diện cho các phường/xã: xã Đak Đoa, Kon Gang, Ia Băng, KDang, Đak Somei
15	Mang Yang	Đại diện cho các phường/xã: xã Mang Yang, Lơ Pang, Kon Chiêng, Hra, Ayun
16	Ia Ly	Đại diện cho các phường/xã: xã Ia Ly, Chư Păh, Ia Khuol, Ia Phí
17	Ia Grai	Đại diện cho các phường/xã: xã Ia Grai, Ia Krái, Ia Hrun, Ia Chia, Ia O
18	Đức Cơ	Đại diện cho các phường/xã: xã Đức Cơ, Ia Dok, Ia Krêl, Ia Pnôn, Ia Dom, Ia Nan
19	Chư Prông	Đại diện cho các phường/xã: xã Chư Prông, Bàu Cạn, Ia Boong, Ia Pia, Ia Tôt
20	Ia Mơ	Đại diện cho các phường/xã: xã Ia Lâu, Ia Púch, Ia Mơ
21	Chư Sê	Đại diện cho các phường/xã: xã Chư Sê, Bờ Ngoong, Ia Ko, Al Bá
22	Chư Puh	Đại diện cho các phường/xã: xã Chư Puh, Ia Le, Ia Hnú
23	Kbang	Đại diện cho các phường/xã: xã Kbang, Kông Bơ La, Tơ Tung, Sơn Lang, Đak Rong, Krong
24	An Khê	Đại diện cho các phường/xã: phường An Khê, An Bình và xã Cửu An
25	Đak Pơ	Đại diện cho các phường/xã: xã Đak Pơ, Ya Hội
26	Kông Chro	Đại diện cho các phường/xã: xã Kông Chro, Ya Ma, Chư Krey, SRó, Đăk Song, Chơ Long
27	Ayun Pa	Đại diện cho các phường/xã: phường Ayun Pa, xã Ia Rbol, xã Ia Sao
28	Ia Pa	Đại diện cho các phường/xã: xã Pờ Tó, Ia Pa, Ia Tul
29	Phú Thiện	Đại diện cho các phường/xã: xã Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao
30	Phú Túc	Đại diện cho các phường/xã: xã Phú Túc, xã Ia Dreh, xã Ia Rsai, xã Uar
TỈNH ĐẮK LẮK		
1	Tuy Hòa	Đại diện cho các phường/xã: phường Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
2	Sơn Hòa	Đại diện cho các phường/xã: xã Sơn Hòa, Vân Hòa, Tây Sơn, Suối Trai
3	Sông Hình	Đại diện cho các phường/xã: xã Ea Ly, Ea Bá, Đức Bình, Sông Hình
4	Tây Hòa	Đại diện cho các phường/xã: xã Tây Hòa, Hòa Thịnh, Hòa Mỹ, Sơn Thành
5	Phú Hòa	Đại diện cho các phường/xã: xã Phú Hòa1, Phú Hòa 2
6	Đông Hòa	Đại diện cho các phường/xã: xã Hòa Xuân, Phường Hòa Hiệp, Đông Hòa
7	Tuy An	Đại diện cho các phường/xã: xã Tuy An Bắc, Tuy An Đông, Tuy An Tây, Tuy An Nam, Ô Loan
8	Đồng Xuân	Đại diện cho các phường/xã: xã Xuân Lãnh, Phú Mỹ, Xuân Phước, Đồng Xuân
9	Sông Cầu	Đại diện cho các phường/xã: xã Sông Cầu, Xuân Thọ, Xuân Đài, Xuân Cảnh, Xuân Lộc
10	Buôn Ma Thuột	Đại diện cho các phường/xã: Buôn Ma Thuột, Tân An, Tân Lập, Thành Nhất, Ea Kao, Hòa Phú
11	Buôn Hồ	Đại diện cho các phường/xã: Buôn Hồ, Cư Bao, Ea Drông, Ea Tul, Pong Đrang
12	M'Drăk	Đại diện cho các phường/xã: M'Drăk, Ea Riêng, Cư M'ta, Krông Á, Ea Trang, Cư Yang, Xã Ea Păl
13	Liên Sơn Lắc	Đại diện cho các phường/xã: Liên Sơn Lắc, Đăk Liêng, Nam Ka, Đăk Phoi, Krông Nô
14	Ea Súp	Đại diện cho các phường/xã: Ea Súp, Ea Rốk, Ea Bung, Ia Rvê, Ia Lốp
15	Ea Drăng	Đại diện cho các phường/xã: Ea H'Leo, Ea Khăl, Ea Drăng, Ea Wy, Ea Hiao, Krông Búk, Cư Pong
16	Ea Kly	Đại diện cho các phường/xã: Ea Phê, Ea Kly, Vụ Bồn
17	Krông Păk	Đại diện cho các phường/xã: Krông Păk, Ea Knuéc, Tân Tiến
18	Krông Bông	Đại diện cho các phường/xã: Dang Kang, Krông Bông, Yang Mao, Cư Pui
19	Dray Bhăng	Đại diện cho các phường/xã: Đại diện cho các phường/xã: Ea Ning, Dray Bhăng, Ea Ktur
20	Dray Bhăng	Đại diện cho các phường/xã: Hòa Sơn, Dur Kmăl
21	Quảng Phú	Đại diện cho các phường/xã: Ea Kiết, Ea M'Drôh, Quảng Phú, Cuôr Đăng, Cư M'gar
22	Buôn Đôn	Đại diện cho các phường/xã: Ea Wer, Ea Nuôl, Buôn Đôn

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
23	Buôn Trấp	Đại diện cho các phường/xã: Krông Ana, Ea Na
24	Ea Knốp	Đại diện cho các phường/xã: Ea Knốp, Cư Pao
25	Ea Kar	Đại diện cho các phường/xã: Ea Kar, Ea Ô
26	Krông Năng	Đại diện cho các phường/xã: Krông Năng, Dliê Ya, Tam Giang, Phú Xuân
TỈNH KHÁNH HÒA		
1	Vạn Ninh	Đại diện cho các xã: Vạn Thắng, Vạn Ninh, Vạn Hưng
2	Đại Lãnh	Đại diện cho các xã: Đại Lãnh, Tu Bông
3	Đông Ninh Hòa	Đại diện cho các xã: Bắc Ninh Hòa, Tân Định, Nam Ninh Hòa; phường: Ninh Hòa, Đông Ninh Hòa, Hòa Thắng
4	Tây Ninh Hòa	Đại diện cho các xã: Hòa Trí, Tây Ninh Hòa
5	Diên Khánh	Đại diện cho các xã: Diên Khánh, Diên Lạc, Diên Điền, Diên Lâm, Diên Thọ, Suối Hiệp
6	Nha Trang	Đại diện cho các phường: Nha Trang; bắc, nam và tây Nha Trang
7	Khánh Vĩnh	Đại diện cho các xã: Khánh Vĩnh, Bắc Khánh Vĩnh, Trung Khánh Vĩnh
8	Tây Khánh Vĩnh	Đại diện cho các xã: Tây Khánh Vĩnh, Nam Khánh Vĩnh
9	Khánh Sơn	Đại diện cho các xã: Khánh Sơn, Đông Khánh Sơn
10	Tây Khánh Sơn	Đại diện cho các xã: Tây Khánh Sơn, Bắc Ái Tây.
11	Cam Ranh	Đại diện cho các phường: Cam Ranh, Bắc Cam Ranh, Cam Linh, Ba Ngòi; xã: Nam Cam Ranh
12	Cam Lâm	Đại diện cho các xã: Cam Lâm, Suối Dầu, Cam Hiệp, Cam An.
13	Trường Sa	Đại diện Nam Đặc khu Trường Sa
14	Song Tử Tây	Đại diện Bắc Đặc khu Trường Sa
15	Bác Ái	Đại diện cho các xã: Bác Ái, Bác Ái Đông
16	Ninh Sơn	Đại diện cho các xã: Ninh Sơn, Lâm Sơn, Anh Dũng, Mỹ Sơn

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
17	Thuận Nam	Đại diện cho các xã: Thuận Nam, Cà Ná, Phước Hà, Phước Dinh
18	Ninh Phước	Đại diện cho các xã: Ninh Phước, Phước Hữu, Phước Hậu
19	Phan Rang	Đại diện cho các Phường: Phan Rang, Đông Hải, Ninh Chữ, Bảo An, Đô Vinh
20	Ninh Hải	Đại diện cho các xã: Ninh Hải, Xuân Hải, Vĩnh Hải
21	Thuận Bắc	Đại diện cho các xã: Thuận Bắc, Công Hải
TỈNH LÂM ĐỒNG		
1	Liên Hương	Đại diện cho các phường/xã: xã Liên Hương, Vĩnh Hảo, Tuy Phong, Phan Rí Cửa
2	Sông Lũy	Đại diện cho các phường/xã: xã Bắc Bình, Hải Ninh, Hồng Thái, Sông Lũy, Lương Sơn, Hồng Sơn, Hòa Thắng, Phan Sơn
3	Hàm Thuận	Đại diện cho các phường/xã: xã Hàm Thuận Bắc, Hàm Liêm, Hàm Thuận
4	Phan Thiết	Đại diện cho các phường/xã: phường Phan Thiết, Bình Thuận, Hàm Thắng, phường Phú Thủy, xã Tuyên Quang, phường Mũi Né
5	Tân Thành	Đại diện cho các phường/xã: xã Hàm Thuận Nam, xã Hàm Kiệm, xã Hàm Thạnh, xã Tân Thành, phường Tiến Thành
6	Hàm Tân	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Minh, xã Hàm Tân, xã Suối Kiết, xã Tân Lập
7	La Gi	Đại diện cho các phường/xã: phường La Gi, phường Tân Hải, phường Phước Hội, xã Sơn Mỹ
8	Đồng Kho	Đại diện cho các phường/xã: xã Nam Thành, xã Nghị Đức, xã Bắc Ruộng, xã Đồng Kho, xã Đông Giang, xã La Dạ
9	Đức Linh	Đại diện cho các phường/xã: xã Đức Linh, xã Trà Tân, xã Hoài Đức, xã Tánh Linh
10	Phú Quý	Đại diện cho Đặc khu Phú Quý
11	Cư Jút	Đại diện cho các phường/xã: xã Cư Jút
12	Nam Dong	Đại diện cho các phường/xã: xã Nam Dong, Đăk Wil
13	Krông Nô	Đại diện cho các phường/xã: xã Krông Nô, Nam Đà
14	Quảng Phú	Đại diện cho các phường/xã: xã Quảng Phú, Nậm Nung, Quảng Hòa
15	Đức Lập	Đại diện cho các phường/xã: xã Đức Lập, Đăk Săk

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
16	Đắk Mil	Đại diện cho các phường/xã: xã Đắk Mil, Thuận An
17	Trường Xuân	Đại diện cho các phường/xã: xã Trường Xuân, Thuận Hạnh
18	Đắk Song	Đại diện cho các phường/xã: xã Đắk Song, Đức An
19	Bắc Gia Nghĩa	Đại diện cho các phường/xã: phường Nam Gia Nghĩa, Đông Gia Nghĩa, Bắc Gia Nghĩa
20	Quảng Khê	Đại diện cho các phường/xã: xã Quảng Khê, Quảng Sơn
21	Tà Đùng	Đại diện cho các phường/xã: xã Tà Đùng
22	Kiến Đức	Đại diện cho các phường/xã: xã Kiến Đức
23	Nhân Cơ	Đại diện cho các phường/xã: xã Nhân Cơ, Quảng Tín
24	Tuy Đức	Đại diện cho các phường/xã: xã Tuy Đức
25	Quảng Tân	Đại diện cho các phường/xã: xã Quảng Tân, Quảng Trực
26	Xuân Hương - Đà Lạt	Đại diện cho các phường/xã: phường Lâm Viên - Đà Lạt; Xuân Hương - Đà Lạt; Cam Ly - Đà Lạt; Xuân Trường - Đà Lạt
27	Đức Trọng	Đại diện cho các phường/xã: xã Đức Trọng, Hiệp Thạnh, Tân Hội, Tà Hine, Tà Năng, Đơn Dương, Ka Đô, Quảng Lập, D'Ran
28	Phường 1 - Bảo Lộc	Đại diện cho các phường/xã: phường 1- Bảo Lộc; phường 2 - Bảo Lộc; phường 3 - Bảo Lộc; phường B'Lao - Bảo lộc
29	Cát Tiên	Đại diện cho các phường/xã: xã Cát Tiên, Cát Tiên 2, Cát Tiên 3
30	Đam Rông	Đại diện cho các phường/xã: xã Đam Rông 1, Đam Rông 2, Đam Rông 3, Đam Rông 4
31	Lạc Dương	Đại diện cho các phường/xã: phường Lang Biang - Đà Lạt; xã Lạc Dương
32	Phú Sơn - Lâm Hà	Đại diện cho các phường/xã: xã Phú Sơn Lâm Hà, Phúc Thọ - Lâm Hà
33	Tân Hà - Lâm Hà	Đại diện cho các phường/xã: xã Đình Văn - Lâm Hà, Nam Ban - Lâm Hà, Tân Hà - Lâm Hà, Nam Hà - Lâm Hà
34	Sơn Điền	Đại diện cho các phường/xã: xã Sơn Điền, Di Linh, Hòa Ninh, Hòa Bắc, Đình Trang Thượng, Bảo Thuận, Gia Hiệp
35	Bảo Lâm 1	Đại diện cho các phường/xã: xã Bảo Lâm 1, Bảo Lâm 4, Bảo Lâm 5
36	Bảo Lâm 2	Đại diện cho các phường/xã: xã Bảo Lâm 2, Bảo Lâm 3

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
37	Đạ Tẻh 2	Đại diện cho các phường/xã: xã Đạ Tẻh, Đạ Tẻh 2, Đạ Tẻh 3, Đạ Huoai, Đạ Huoai 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		
1	Sài Gòn	Đại diện cho các phường/xã: phường Sài Gòn, Tân Định, Bến Thành, Cầu Ông Lãnh, Bàn Cờ, Xuân Hòa, Nhiều Lộc, Vĩnh Hội, Khánh Hội, Xóm Hội
2	Chợ Lớn	Đại diện cho các phường/xã: phường Chợ Quán, An Đông, Chợ Lớn, Bình Tiên, Bình Tây, Bình Phú, Phú Lâm, Vườn Lài, Diên Hồng, Hòa Hưng, Hòa Bình, Bình Thới, Minh Phụng
3	Bình Thạnh	Đại diện cho các phường/xã: phường Gia Định, Bình Thạnh, Bình Lợi Trung, Thạnh Mỹ Tây, Bình Quới
4	Thủ Đức	Đại diện cho các phường/xã: phường Hiệp Bình, Tam Bình, Thủ Đức, Linh Xuân, Long Bình, Tăng Nhơn Phú, Phước Long, Long Phước, Long Trường, An Khánh, Bình Trưng, Cát Lái
5	Gò Vấp	Đại diện cho các phường/xã: Phường Hạnh Thông, Phường An Nhơn, Phường Gò Vấp, Phường Thông Tây Hội, Phường An Hội Tây, Phường An Hội Đông
6	Thới An	Đại diện cho các phường/xã: phường Đông Hưng Thuận, Trung Mỹ Tây, Tân Thới Hiệp, Thới An, Phú Đông
7	Tân Bình	Đại diện cho các phường/xã: phường Tân Sơn Hòa, Tân Sơn Nhất, Tân Hòa, Bảy Hiền, Tân Bình, Tân Sơn, Tây Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Phú Thạnh, Tân Phú, Hạnh Thông, An Nhơn, Đông Hưng Thuận, Trung Mỹ Tây, Tân Thới Hiệp, Thới An, An Phú Đông, Gò Vấp, Thông Tây Hội, An Hội Tây, An Hội Đông
8	Bình Tân	Đại diện cho các phường/xã: phường Bình Tân, Bình Hưng Hòa, Bình Trị Đông, An Lạc, Tân Tạo
9	Hóc Môn	Đại diện cho các phường/xã: xã Hóc Môn, Bà Điểm, Xuân Thới Sơn, Đông Thạnh
10	Củ Chi	Đại diện cho các phường/xã: xã An Nhơn Tây, Thái Mỹ, Nhuận Đức, Tân An Hội, Củ Chi, Phú Hòa Đông, Bình Mỹ
11	Bình Chánh	Đại diện cho các phường/xã: xã Vĩnh Lộc, Tân Vĩnh Lộc, Bình Lợi, Tân Nhựt, Bình Chánh, Hưng Long, Bình Hưng
12	Tân Thuận	Đại diện cho các phường/xã: phường Tân Mỹ, Tân Hưng, Tân Thuận, Phú Thuận
13	Nhà Bè	Đại diện cho các phường/xã: xã Nhà Bè, Hiệp Phước
14	Cần Giờ	Đại diện cho các phường/xã: xã Bình Khánh, Cần Giờ, An Thới Đông, Thạnh An
15	Dĩ An	Đại diện cho các phường/xã: phường Đông Hòa, Dĩ An, Tân Đông Hiệp, Bình Hòa
16	Thuận An	Đại diện cho các phường/xã: phường Lái Thiêu, Thuận An, Thuận Giao, An Phú

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
17	Thủ Dầu Một	Đại diện cho các phường/xã: phường Thủ Dầu Một, Phú Lợi, hánh Hiệp, Hòa Lợi, Phú An
18	Bến Cát	Đại diện cho các phường/xã: phường Thới Hòa, Tây Nam, Long Nguyên, Bến Cát, Chánh Phú Hòa, Vĩnh Tân
19	Bàu Bàng	Đại diện cho các phường/xã: xã An Long, Bàu Bàng, Trừ Văn Thố
20	Dầu Tiếng	Đại diện cho các phường/xã: xã Long Hòa, Thanh An, Dầu Tiếng, Minh Thạnh
21	Bình Dương	Đại diện cho các phường/xã: phường Bình Dương, Tân Hiệp, Tân Khánh
22	Bắc Tân Uyên	Đại diện cho các phường/xã: phường Bình Cơ, Tân Uyên và xã Thường Tân, Bắc Tân Uyên
23	Phú Giáo	Đại diện cho các phường/xã: xã Phú Giáo, Phước Hòa, Phước Thành
24	Vũng Tàu	Đại diện cho các phường/xã: phường Vũng Tàu, Tam Thắng, Rạch Dừa, Phước Thắng
25	Bà Rịa	Đại diện cho các phường/xã: phường Bà Rịa, Long Hương, Tam Long, xã Long Sơn
26	Phú Mỹ	Đại diện cho các phường/xã: phường Phú Mỹ, Tân Thành, Tân Phước, Tân Hải, Châu Pha
27	Châu Đức	Đại diện cho các phường/xã: xã Ngãi Giao, Bình Giã, Kim Long, Châu Đức, Xuân Sơn, Nghĩa Thành
28	Long Điền	Đại diện cho các phường/xã: xã Đất Đỏ, Long Hải, Long Điền, Phước Hải
29	Xuyên Mộc	Đại diện cho các phường/xã: xã Hồ Tràm, Xuyên Mộc, Hòa Hội, Bàu Lâm, Bình Châu, Hòa Hiệp
30	Côn Đảo	Đại diện cho Đặc khu Côn Đảo
TỈNH ĐỒNG NAI		
1	Đồng Xoài	Đại diện cho các phường/xã: phường Bình Phước, Đồng Xoài
2	Phước Long	Đại diện cho các phường/xã: phường Phước Bình, Phước Long
3	Bình Long	Đại diện cho các phường/xã: phường Bình Long, An Lộc
4	Bù Đăng	Đại diện cho các phường/xã: xã Phước Sơn, Bù Đăng, Nghĩa Trung, Thọ Sơn, Đak Nhau, Bom Bo
5	Tân Tiến	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Tiến, Thiện Hưng, Hưng Phước
6	Bù Gia Mập	Đại diện cho các phường/xã: xã Bù Gia Mập, Đăk Ô, Phú Nghĩa, Đa Kìa

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
7	Chơn Thành	Đại diện cho các phường/xã: phường Minh Hưng, Chơn Thành và xã Nha Bích
8	Đồng Phú	Đại diện cho các phường/xã: xã Thuận Lợi, Đồng Tâm, Tân Lợi, Đồng Phú
9	Lộc Ninh	Đại diện cho các phường/xã: xã Lộc Thành, Lộc Ninh, Lộc Hưng, Lộc Tấn, Lộc Thạnh, Lộc Quang
10	Tân Quan	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Quan, Tân Hưng, Tân Khai, Minh Đức
11	Phú Riềng	Đại diện cho các phường/xã: xã Bình Tân, Long Hà, Phú Riềng, Phú Trung
12	Tân Phú	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Phú, Phú Lâm, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Đak Lua
13	Định Quán	Đại diện cho các phường/xã: xã Định Quán, La Ngà, Phú Vinh, Phú Hòa, Thanh Sơn
14	Trị An	Đại diện cho các phường/xã: xã Trị An, Tân An, Phú Lý
15	Biên Hòa	Đại diện cho các phường/xã: phường Biên Hòa, Trần Biên, Long Bình, Tam Hiệp, Phước Tân, Tam Phước, Long Hưng, Hồ Nai, Trảng Dài, Tân Triều
16	Trảng Bom	Đại diện cho các phường/xã: xã Trảng Bom, Bình Minh, An Viễn, Bàu Hàm, Hưng Thịnh
17	Thống Nhất	Đại diện cho các phường/xã: xã Dầu Giây, Gia Kiệm, Thống Nhất
18	Long Khánh	Đại diện cho các phường/xã: phường Long Khánh, Bảo Vinh, Xuân Lập, Hàng Gòn, Bình Lộc
19	Xuân Lộc	Đại diện cho các phường/xã: xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Định, Xuân Thành, Xuân Bắc
20	Cẩm Mỹ	Đại diện cho các phường/xã: xã Cẩm Mỹ, Xuân Quế, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Đường
21	Long Thành	Đại diện cho các phường/xã: xã Long Thành, An Phước, Bình An, Long Phước, Phước Thái
22	Nhơn Trạch	Đại diện cho các xã Nhơn Trạch, Đại Phước, Phước An
TỈNH TÂY NINH		
1	Tân Biên	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Tân Biên, xã Tân Bình và xã Thạnh Tây
2	Tân Châu	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Tân Châu, xã Thạnh Đông, một phần xã Tân Phú và Suối Dây
3	Dương Minh Châu	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Dương Minh Châu, xã Phan, xã Suối Đá và phần hồ Dầu Tiếng từ xã Phước Minh
4	Trảng Bàng	Đại diện cho các phường/xã: phường Trảng Bàng, An Hòa

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
5	Gò Dầu	Đại diện cho các phường/xã: phường Gia Bình (Trảng Bàng), thị trấn Gò Dầu và xã Thanh Phước
6	Bến Cầu	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Bến Cầu, xã Tiên Thuận, xã Lợi Thuận và xã An Thạnh
7	Long Thành Trung	Đại diện cho các phường/xã: phường Long Thành Trung và xã Long Thành Nam
8	Thái Bình	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Châu Thành, xã Đồng Khởi, xã Thái Bình và xã An Bình
9	Tân Ninh	Đại diện cho các phường/xã: phường 1,2,3,4 và phường Hiệp Ninh, Tân Ninh
10	Long An	Đại diện cho các phường/xã: phường 1,3,4,5,6,7, Tân An, Long An, Khánh Hậu, Tân Khánh và xã Lợi Bình Nhơn, Hướng Thọ Phú, Bình Tâm, Nhơn Thạnh Trung, An Vĩnh Ngãi
11	Mộc Hóa	Đại diện cho các phường/xã: thị xã Kiến Tường, xã Mộc Hóa
12	Tân Trụ	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Tân Trụ; xã: Bình Lăng, Bình Tịnh, Bình Trinh Đông, Đức Tân, Lạc Tấn, Nhựt Ninh, Quê Mỹ Thạnh, Tân Bình, Tân Phước Tây.
13	Cần Đước	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Cần Đước và xã Long Cang, Long Định, Long Hòa, Long Hựu Đông, Long Hựu Tây, Long Khê, Long Sơn, Long Trạch, Mỹ Lệ, Phước Đông, Phước Tuy, Phước Vân, Tân Ân, Tân Chánh, Tân Lâm, Tân Trạch.
14	Đức Hòa	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Đức Hòa, thị trấn Hậu Nghĩa, thị trấn Hiệp Hòa và xã An Ninh Đông, An Ninh Tây, Đức Hòa Đông, Đức Hòa Hạ, Đức Hòa Thượng, Đức Lập Hạ, Đức Lập Thượng, Hiệp Hòa, Hòa Khánh Đông, Hòa Khánh Nam, Hòa Khánh Tây, Hựu Thạnh, Lộc Giang, Mỹ Hạnh Bắc, Mỹ Hạnh Nam, Tân Mỹ, Tân Phú.
TỈNH ĐỒNG THÁP		
1	Hậu Mỹ	Đại diện cho các phường/xã: xã Thanh Hưng, An Hữu, Mỹ Lợi, Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hội Cư, Cái Bè, Hậu Mỹ
2	Cai Lậy	Đại diện cho các phường/xã: phường Mỹ Phước Tây, Thanh Hòa, Nhị Quý, Cai Lậy
3	Tân Phước 1	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Phước 1, Tân Phước 2, Tân Phước 3, Hưng Thạnh
4	Châu Thành	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Hương, Long Hưng, Long Định, Bình Trung, Vĩnh Kim, Kim Sơn, Châu Thành
5	Mỹ Tho	Đại diện cho các phường/xã: phường Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Thới Sơn, Trung An, Mỹ Tho
6	Gò Công	Đại diện cho các phường/xã: phường Long Thuận, Bình Xuân, Sơn Qui, Gò Công
7	Tân Phú Đông	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Thới, Tân Phú Đông

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
8	Cao Lãnh	Đại diện cho các phường/xã: phường Mỹ Trà, Cao Lãnh, Mỹ Ngãi, xã Mỹ Thọ
9	Sa Đéc	Đại diện cho các phường/xã: phường Sa Đéc, xã Tân Dương, xã Tân Phú Trung, xã Mỹ Hiệp
10	Hồng Ngự	Đại diện cho các phường/xã: phường An Bình, Phường Hồng Ngự, Xã Long Khánh, Xã Long Phú Thuận, Xã An Phước
11	Trường xuân	Đại diện cho các phường/xã: xã Trường Xuân, Phường Thịnh, Tháp Mười, Đốc Binh Kiều
TỈNH VĨNH LONG		
1	Bến Tre	Đại diện cho các phường/xã: phường Sơn Đông, Bến Tre, An Hội, Phú Tân, Phú Khương, Giao Long
2	Tiên Thủy	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Phú, Tiên Thủy, Phú Túc
3	Phước Long	Đại diện cho các phường/xã: xã Giồng Trôm, Châu Hòa, Mỹ Chánh Hòa, Lương Hòa, Lương Phú, Phước Long, Tân Hòa, Hưng Nhượng, Châu Hưng, Phú Thuận, Lộc Thuận
4	Đồng Khởi	Đại diện cho các phường/xã: xã Nhuận Phú Tân, Mỏ Cày, Đồng Khởi, Tân Thành Bình, Thành Thới, An Định
5	Hương Mỹ	Đại diện cho các phường/xã: xã Hương Mỹ, Đại Điền, Quới Điền
6	Chợ Lách	Đại diện cho các phường/xã: xã Chợ Lách, xã Phú Phụng, xã Vĩnh Thành, Hưng Khánh Trung, Phước Mỹ Trung
7	Ba Tri	Đại diện cho các phường/xã: xã Ba Tri, Tân Thủy, Bảo Thạnh, Tân Xuân, An Hiệp, An Ngãi Trung
8	Bình Đại	Đại diện cho các phường/xã: xã Bình Đại, Thạnh Phước, Thới Thuận, Thạnh Trị
9	Thạnh Phú	Đại diện cho các phường/xã: xã Thạnh Phú, Quới Điền, Đại Điền, An Qui
10	Long Châu	Đại diện cho các phường/xã: phường Tân Ngãi, Tân Hạnh, Long Châu, Phước Hậu, Thanh Đức và xã An Bình, Phú Quới
11	Trà Ôn	Đại diện cho các phường/xã: Trà Ôn, Lục Sĩ Thành, Trà Côn, Vĩnh Xuân, Tam Bình, Ngãi Tứ, Song Phú, Cái Ngang.
12	Cái Nhum	Đại diện cho các phường/xã: Cái Nhum, Tân Long Hội, Nhơn Phú, Bình Phước, Long Hồ, Hòa Hiệp
13	Trung Thành	Đại diện cho các phường/xã: Trung Thành, Trung Ngãi, Quới An, Trung Hiệp, Hiếu Phụng, Hiếu Thành, Quới Thiện, Hòa Bình.
14	Cái Vồn	Đại diện cho các phường/xã: phường Cái Vồn, Bình Minh, Đông Thành và các xã: Tân Quới, Tân Lược, Mỹ Thuận.
15	Trà Vinh	Đại diện cho các phường/xã: phường Long Đức, Trà Vinh, Nguyệt Hoá, Hoà Thuận và xã Châu Thành, Song Lộc Hưng Mỹ, Hòa Minh, Long Hòa, Vinh Kim

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
16	Duyên Hải	Đại diện cho các phường/xã: phường Trường Long Hoà, Duyên Hải và xã Long Hữu, Ngũ Lạc, Long Thành, Đông Hải, Hiệp Mỹ, Cầu Ngang, Mỹ Long
17	Trà Cú	Đại diện cho các phường/xã: xã Trà Cú, Đại An, Lưu Nghiệp Anh, Hàm Giang, Long Hiệp, Tập Sơn, Nhị Trường, Đôn Châu, Long Vĩnh
18	Tiểu Cần	Đại diện cho các phường/xã: xã Tiểu Cần, Tân Hoà, Hùng Hoà, Tập Ngãi, Phong Thạnh, Cầu Kè, An Phú Tân, Tam Ngãi
19	Càng Long	Đại diện cho các phường/xã: xã Càng Long, An Trường, Tân An, Nhị Long, Bình Phú
THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
1	Ninh Kiều	Đại diện cho các phường/xã: phường Tân An, Thới Bình, Xuân Khánh, Ninh Kiều
2	Thới An Đông	Đại diện cho các phường/xã: phường Trà Nóc, Trà An, Thới An Đông
3	Ô Môn	Đại diện cho các phường/xã: phường Châu Văn Liêm, Thới Hòa, Thới An và xã Thới Thạnh, Ô Môn
4	Trung Nhứt	Đại diện cho các phường/xã: phường Thạnh Hòa, Trung Nhứt và xã Trung An
5	Vĩnh Thạnh	Đại diện cho các phường/xã: xã thị trấn Vĩnh Thạnh, xã Thạnh Lộc và xã Thạnh Mỹ.
6	Cờ Đỏ	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Cờ Đỏ và xã Thới Đông, Thới Xuân
7	Vị Thanh	Đại diện cho các phường/xã: phường VI, V, Vị Thanh và xã Vị Tân
8	Ngã Bảy	Đại diện cho các phường/xã: phường Lái Hiếu, Hiệp Thành, Ngã Bảy
9	Trường Long Tây	Đại diện cho các phường/xã: xã Trường Long A, Trường Long Tây
10	Long Mỹ	Đại diện cho các phường/xã: phường Thuận An, xã Long Trị và xã Long Trị A, Long Mỹ
11	Vị Thủy	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Nàng Mau và xã Vị Thắng, Vị Trung, Vị Thủy
12	Sóc Trăng	Đại diện cho các phường/xã: phường Phú Lợi, Sóc Trăng
13	Kế Sách	Đại diện cho phường/xã: thị trấn Kế Sách và xã Kế An, Kế Thành
14	Phú Tâm	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Châu Thành, xã Phú Tâm
15	Mỹ Tú	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, xã Mỹ Tú, Mỹ Thuận

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
16	Ngã Năm	Đại diện cho các phường/xã: phường 1, phường 2 và xã Mỹ Quới, Ngã Năm
17	Phú Lộc	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Phú Lộc, xã Thanh Trị và thị trấn Hưng Lợi
18	Ngọc Tố	Đại diện cho các phường/xã: xã Tham Đôn, Ngọc Tố, Ngọc Đông
19	Vĩnh Châu	Đại diện cho các phường/xã: phường 1, phường 2 (thị xã Vĩnh Châu) và xã Lạc Hòa
20	Trần Đề	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Trần Đề và xã Đại Ân, Trung Bình
21	Long Phú	Đại diện cho các phường/xã: thị trấn Long Phú và xã Long Phú
22	Cù Lao Dung	Đại diện cho các phường/xã: xã An Thạnh 2, Đại Ân 1, An Thạnh 3, An Thạnh Nam, Cù Lao Dung
TỈNH AN GIANG		
1	Châu Đốc	Đại diện cho các phường/xã: phường Châu Đốc, Vĩnh Tế
2	Long Xuyên	Đại diện cho các phường/xã: Long Xuyên, Bình Đức, Mỹ Thới, Mỹ Hòa Hưng
3	Tân Châu	Đại diện cho các phường/xã: Tân Châu, Long Phú, Châu Phong, Tân An, Vĩnh Xương
4	Tri Tôn	Đại diện cho các phường/xã: xã Tri Tôn, Ba Chúc, Ô Lâm, Cô Tô, Vĩnh Gia
5	Tịnh Biên	Đại diện cho các phường/xã: Tịnh Biên, Chi Lăng, Thới Sơn, An Cư, Núi Cấm
6	An Phú	Đại diện cho các phường/xã: xã An Phú, Vĩnh Hậu, Nhơn Hội, Khánh Bình, Phú Hữu
7	Phú Tân	Đại diện cho các phường/xã: xã Phú Tân, Phú An, Bình Thạnh Đông, Chợ Vàm, Hòa Lạc, Phú Lâm
8	Châu Phú	Đại diện cho các phường/xã: xã Châu Phú, Mỹ Đức, Vĩnh Thạnh Trung, Bình Mỹ, Thạnh Mỹ Tây
9	Chợ Mới	Đại diện cho các phường/xã: xã Chợ Mới, Cù Lao Giêng, Hội An, Long Điền, Nhơn Mỹ, Long Kiến
10	An Châu	Đại diện cho các phường/xã: xã An Châu, Bình Hòa, Cần Đăng, Vĩnh Hanh, Vĩnh An
11	Thoại Sơn	Đại diện cho các phường/xã: xã Thoại Sơn, Óc Eo, Định Mỹ, Phú Hòa, Vĩnh Trạch, Tây Phú
12	Kiên Lương	Đại diện cho các phường/xã: xã Kiên Lương, Hòa Điền, Bình Giang, Hòn Nghệ, Sơn Hải.
13	Giang Thành	Đại diện cho các phường/xã: xã Giang Thành, Vĩnh Điều.

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
14	Hòn Đất	Đại diện cho các phường/xã: xã Hòn Đất, Bình Sơn, Sơn Kiên, Mỹ Thuận.
15	Hà Tiên	Đại diện cho các phường/xã: Hà Tiên, Tô Châu, Tiên Hải
16	Châu Thành	Đại diện cho các phường/xã: xã Châu Thành, Bình An
17	Rạch Giá	Đại diện cho các phường/xã: Rạch Giá, Vĩnh Thông, Thạnh Lộc
18	Tân Hiệp	Đại diện cho các phường/xã: xã Tân Hiệp, Tân Hội, Thạnh Đông
19	Giồng Riềng	Đại diện cho các phường/xã: xã Giồng Riềng, Thạnh Hưng, Ngọc Chúc, Hòa Hưng, Hòa Thuận
20	Gò Quao	Đại diện cho các phường/xã: xã Gò Quao, Định Hòa, Long Thạnh, Vĩnh Hòa Hưng, Vĩnh Tuy
21	An Minh	Đại diện cho các phường/xã: xã An Minh, Vân Khánh, Đông Hòa, Đông Hưng, Tân Thạnh
22	An Biên	Đại diện cho các phường/xã: xã An Biên, Đông Thái, Tây Yên
23	Phú Quốc	Đại diện cho Đặc khu Phú Quốc, Đặc khu Thổ Châu
24	Vĩnh Thuận	Đại diện cho các phường/xã: xã Vĩnh Thuận, Vĩnh Bình, Vĩnh Phong
25	U Minh Thượng	Đại diện cho các phường/xã: xã U Minh Thượng, Vĩnh Hòa
26	Kiên Hải	Đại diện cho Đặc khu Kiên Hải
TỈNH CÀ MAU		
1	Bạc Liêu	Đại diện cho các phường/xã: phường Bạc Liêu, Vĩnh Trạch, Hiệp Thành
2	Vĩnh Lợi	Đại diện cho các phường/xã: xã Vĩnh Lợi, xã Hưng Hội, xã Châu Thới
3	Phước Long	Đại diện cho các phường/xã: xã Phước Long, xã Vĩnh Phước, xã Phong Hiệp, xã Vĩnh Thanh
4	Giá Rai	Đại diện cho các phường/xã: phường Giá Rai, Láng Tròn, xã Phong Thạnh
5	Đông Hải	Đại diện cho các phường/xã: xã Gành Hào, xã Định Thành, xã An Trạch, xã Long Điền, xã Đông Hải
6	Hồng Dân	Đại diện cho các phường/xã: xã Hồng Dân, xã Vĩnh Lộc, xã Ninh Thạnh Lợi, xã Ninh Quới
7	Hòa Bình	Đại diện cho các phường/xã: xã Hòa Bình, xã Vĩnh Mỹ, xã Vĩnh Hậu

TT	Điểm dự báo (Phường/xã)	Khu vực hành chính
8	Tân Thành	Đại diện cho các phường/xã: phường Tân Thành, An Xuyên, Hòa Thành, Lý Văn Lâm
9	Đầm Dơi	Đại diện cho các phường/xã: xã Đầm Dơi, xã Quách Phẩm, Thanh Tùng, Trần Phán, Tạ An Khương, Tân Tiến, Tân Thuận
10	Ngọc Hiển	Đại diện cho các phường/xã: xã Ngọc Hiển, Đất Mũi, Tân Ân
11	Năm Căn	Đại diện cho các phường/xã: xã Năm Căn, Đất Mũi, Tam Giang
12	Cái Nước	Đại diện cho các phường/xã: xã Cái Nước, Hưng Mỹ, Tân Hưng, Lương Thế Trân
13	Phú Tân	Đại diện cho các phường/xã: xã Phú Tân, Phú Mỹ, Cái Đôi Vàm, Nguyễn Việt Khái
14	Trần Văn Thời	Đại diện cho các phường/xã: xã Trần Văn Thời, Sông Đốc, Khánh Hưng, Đá Bạc, Khánh Bình
15	U Minh	Đại diện cho các phường/xã: xã U Minh, Nguyễn Phích, Khánh lâm, Khánh An
16	Thới Bình	Đại diện cho các phường/xã: xã Thới Bình, Trí Phải, Khánh Lộc, Hồ Thị Kỷ, Biển Bạch

Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO THỦY VĂN
DO TRUNG TÂM DỰ BÁO KTTV QUỐC GIA THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

TT	Khu vực	Tỉnh/Thành phố	Sông	Trạm thủy văn	Thời hạn dự báo
1	Lưu vực sông Hồng	Lào Cai	Thao	Yên Bái	24 giờ
2		Phú Thọ		Phú Thọ	24 giờ
3			Lô	Vụ Quang	24 giờ
4		Tuyên Quang		Tuyên Quang	24 giờ
5		Phú Thọ	Đà	Hồ Hòa Bình	24 giờ
6		Hà Nội	Hồng	Hà Nội	48 giờ
7	Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Ninh	Cầu	Đáp Cầu	24 giờ, ảnh hưởng triều
8			Thương	Phủ Lạng Thương	24 giờ, ảnh hưởng triều
9			Lục Nam	Lục Nam	24 giờ, ảnh hưởng triều
10		Hải Phòng	Thái Bình	Phả Lại	36 giờ, ảnh hưởng triều
11	Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ (Từ Thanh Hóa đến Huế)	Thanh Hóa	Mã	Giàng	36 giờ, ảnh hưởng triều
12		Nghệ An	Cả	Nam Đàn	36 giờ
13		Hà Tĩnh	La	Linh Cảm	24 giờ, ảnh hưởng triều
14		Quảng Bình	Gianh	Mai Hóa	24 giờ, ảnh hưởng triều
15		Huế	Hương	Kim Long	24 giờ, ảnh hưởng triều
16	Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ (Từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa)	Đà Nẵng	Thu Bồn	Câu Lâu	24 giờ, ảnh hưởng triều
17		Quảng Ngãi	Trà Khúc	Trà Khúc	24 giờ, ảnh hưởng triều
18		Gia Lai	Kôn	Thạnh Hòa	24 giờ
19		Đắk Lắk	Ba	Phú Lâm	24 giờ, ảnh hưởng triều

TT	Khu vực	Tỉnh/Thành phố	Sông	Trạm thủy văn	Thời hạn dự báo
20	Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ	Đồng Nai	Đồng Nai	Tà Lài	24 giờ
21		Hồ Chí Minh	Bé	Phước Hòa	24 giờ
22	Lưu vực sông Mê Công	Quảng Ngãi	Đăk Bla	Kon Tum	24 giờ
23		Đăk Lăk	Krông Ana	Giang Sơn	24 giờ
24		An Giang	Tiền	Tân Châu	5 ngày, ảnh hưởng triều
25			Hậu	Châu Đốc	5 ngày, ảnh hưởng triều

Phụ lục IV
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN DO CÁC
ĐÀI KTTV THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
I	Các tỉnh/thành phố miền Bắc			
1	Sơn La	Mã	Xã Là	24 giờ
2		Đà	Tạ Bú	24 giờ
3		Nậm Pàn	Hát Lót	24 giờ
4	Lai Châu	Đà	Pắc Ma	24 giờ
5		Nậm Bùn	Nà Hừ	24 giờ
6		Nậm Na	Nậm Giàng	24 giờ
7		Nậm Mu	Tà Gia	24 giờ
8	Điện Biên	Đà	Mường Lay	24 giờ
9		Nậm Nưa	Bản Yên	24 giờ
10		Nậm Mực	Na Sang	24 giờ
11	Lào Cai	Thao	Lào Cai	24 giờ
12		Thao	Bảo Hà	24 giờ
13		Chảy	Bảo Yên	24 giờ
14		Nghĩa Đô	Vĩnh Yên	24 giờ
15		Ngòi Nhù	Ngòi Nhù	24 giờ
16		Nậm Kim	Mù Cang Chải	24 giờ
17		Ngòi Thia	Ngòi Thia	24 giờ
18		Ngòi Hút	Ngòi Hút	24 giờ
19		Chảy	Thác Bà	24 giờ
20		Thao	Yên Bái	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
21	Tuyên Quang	Lô	Hà Giang	24 giờ
22			Vĩnh Tuy	24 giờ
23			Bắc Quang	24 giờ
24		Gâm	Bắc Mê	24 giờ
25		Lô	Hàm Yên	24 giờ
26			Tuyên Quang	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
27		Gâm	Na Hang	24 giờ
28			Chiêm Hóa	24 giờ
29	Cao Bằng	Bằng Giang	Bằng Giang	24 giờ
30		Gâm	Bảo Lạc	24 giờ
31	Lạng Sơn	Kỳ Cùng	Lạng Sơn	24 giờ
32		Trung	Hữu Lũng	24 giờ
33		Bắc Giang	Vân Mịch	24 giờ
34	Thái Nguyên	Cầu	Thác Giềng	24 giờ

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
35			Cầu Phà	24 giờ
36			Chợ Mới	24 giờ
37			Gia Bảy	24 giờ
38			Chã	24 giờ
39	Phú Thọ	Thao	Phú Thọ	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
40		Lô	Vụ Quang	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
41			Việt Trì	24 giờ
42		Búra	Thanh Sơn	24 giờ
43		Phó Đáy	Quảng Cư	24 giờ
44		Đà	Hòa Bình	24 giờ
45		Bôi	Hưng Thi	24 giờ
46		Bùi	Lâm Sơn	24 giờ
47	Hà Nội	Hồng	Sơn Tây	24 giờ
48			Hà Nội	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
49		Đáy	Ba Thá	24 giờ
50		Đà	Trung Hà	24 giờ
51		Đuống	Thượng Cát	24 giờ
52	Nam Định	Đào	Nam Định	24 giờ, ảnh hưởng triều
53		Ninh Cơ	Trực Phương	24 giờ, ảnh hưởng triều
54			Phú Lễ	24 giờ, ảnh hưởng triều
55		Đáy	Phủ Lý	24 giờ, ảnh hưởng triều
56		Hoàng Long	Bến Đé	24 giờ, ảnh hưởng triều
57			Gián Khẩu	24 giờ, ảnh hưởng triều
58		Đáy	Ninh Bình	24 giờ, ảnh hưởng triều
59			Như Tân	24 giờ, ảnh hưởng triều
60	Hải Phòng	Kinh Môn	An Phụ	24 giờ, ảnh hưởng triều
61		Gù	Bá Nha	24 giờ, ảnh hưởng triều
62		Thái Bình	Phả Lại	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
63			Cát Khê	24 giờ, ảnh hưởng triều
64		Kinh Thầy	Bến Bình	24 giờ, ảnh hưởng triều
66		Rạng	Quảng Đạt	24 giờ, ảnh hưởng triều
66		Luộc	Chanh Chữ	24 giờ, ảnh hưởng triều
67		Văn Úc	Trung Trang	24 giờ, ảnh hưởng triều
68			Quang Phục	24 giờ, ảnh hưởng triều
69		Bạch Đằng	Do Nghi	24 giờ, ảnh hưởng triều
70		Cấm	Cửa Cấm	24 giờ, ảnh hưởng triều
71		Thái Bình	Đông Xuyên	24 giờ, ảnh hưởng triều
72		Mới	Tiên Tiến	24 giờ, ảnh hưởng triều
73		Lạch Tray	Kiến An	24 giờ, ảnh hưởng triều
74		Kinh Thầy	Cao Kênh	24 giờ, ảnh hưởng triều
75	Hưng Yên	Hồng	Hưng Yên	24 giờ, ảnh hưởng triều
76		Trà Lý	Thành phố Thái Bình	24 giờ, ảnh hưởng triều
77			Đông Quý	24 giờ, ảnh hưởng triều
78			Quyết Chiến	24 giờ, ảnh hưởng triều
79		Hong	Tiến Đức	24 giờ, ảnh hưởng triều
80			Ba Lạt	24 giờ, ảnh hưởng triều
81		Luộc	Triều Dương	24 giờ, ảnh hưởng triều
82	Bắc Ninh	Đuống	Bến Hồ	24 giờ, ảnh hưởng triều
83		Cầu	Đáp Cầu	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
84			Phúc Lộc Phương	24 giờ, ảnh hưởng triều
85		Thương	Phủ Lạng	Sử dụng kết quả dự báo

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
			Thương	của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
86			Cầu Sơn	24 giờ
87		Lục Nam	Lục Nam	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
88			Chũ	24 giờ
89			Cầm Đàn	24 giờ
90	Quảng Ninh	Đá Bạch	Đồn Sơn	24 giờ, ảnh hưởng triều
91		Kinh Thầy	Bến Triều	24 giờ, ảnh hưởng triều
92		Tiên Yên	Bình Liêu	24 giờ
93	Thanh Hóa	Mã	Mường Lát	24 giờ
94			Hồi Xuân	24 giờ
95			Cầm Thủy	24 giờ
96			Lý Nhân	24 giờ
97			Giàng	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
98			Quảng Châu	24 giờ, ảnh hưởng triều
99		Lèn	Lèn	24 giờ, ảnh hưởng triều
100			Cụ Thôn	24 giờ, ảnh hưởng triều
101		Bưởi	Thạch Quảng	24 giờ
102			Kim Tân	24 giờ
103		Âm	Lang Chánh	24 giờ
104		Chu	Cửa Đạt	24 giờ
105			Bái Thượng	24 giờ
106			Xuân Khánh	24 giờ
107		Yên	Chuối	24 giờ, ảnh hưởng triều
108			Ngọc Trà	24 giờ, ảnh hưởng triều
II	Các tỉnh/thành phố miền Trung			
1	Nghệ An	Hiếu	Quỳ Châu	24 giờ
2			Nghĩa Khánh	24 giờ
3		Cả	Mường Xén	24 giờ
4			Thạch Giám	24 giờ
5			Con Cuông	24 giờ
6			Dừa	24 giờ
7			Đô Lương	24 giờ
8			Yên Thượng	24 giờ
9			Nam Đàn	Sử dụng kết quả dự báo

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
				của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
10			Chợ Tràng	24 giờ, ảnh hưởng triều
11			Cửa Hội	24 giờ, ảnh hưởng triều
12	Hà Tĩnh	Ngàn Sâu	Chu Lễ	24 giờ
13			Hòa Duyệt	24 giờ
14		Ngàn Phố	Sơn Diêm	24 giờ
15		La	Linh Cảm	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
16		Rào Cái	Thạch Đồng	24 giờ, ảnh hưởng triều
17		Rác	Cẩm Nhượng	24 giờ, ảnh hưởng triều
18	Quảng Trị	Gianh	Đồng Tâm	24 giờ
19			Mai Hóa	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
20			Tân Mỹ	24 giờ, ảnh hưởng triều
21		Nhật Lệ	Đồng Hới	24 giờ, ảnh hưởng triều
22		Kiến Giang	Kiến Giang	24 giờ
23			Lệ Thủy	24 giờ, ảnh hưởng triều
24		Hiếu	Đông Hà	24 giờ, ảnh hưởng triều
25		Thạch Hãn	Thạch Hãn	24 giờ, ảnh hưởng triều
26			Cửa Việt	24 giờ, ảnh hưởng triều
27		Bến Hải	Gia Vòng	24 giờ
28			Hiền Lương	24 giờ, ảnh hưởng triều
29	Huế	Hương	Kim Long	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
30		Tả Trạch	Thượng Nhật	24 giờ
31		Bồ	Phú Ốc	24 giờ, ảnh hưởng triều
32		Ô Lâu	Phong Bình	24 giờ, ảnh hưởng triều
33		Truồi	Cầu Truồi	24 giờ, ảnh hưởng triều

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
34	Đà Nẵng	Hàn	Cẩm Lệ	24 giờ, ảnh hưởng triều
35		Cái	Thành Mỹ	24 giờ
36		Vu Gia	Hội Khách	24 giờ
37			Ái Nghĩa	24 giờ
38		Thu Bồn	Hiệp Đức	24 giờ
39			Nông Sơn	24 giờ
40			Giao Thủy	24 giờ
41			Câu Lâu	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
42			Hội An	36 giờ, ảnh hưởng triều
43		Tam Kỳ	Tam Kỳ	24 giờ, ảnh hưởng triều
44	Quảng Ngãi	Trà Khúc	Sơn Giang	24 giờ
45			Trà Khúc	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
46		Sông Vệ	An Chi	24 giờ
47			Sông Vệ	24 giờ, ảnh hưởng triều
48		Trà Câu	Trà Câu	24 giờ, ảnh hưởng triều
49		Trà Bồng	Châu Ổ	24 giờ, ảnh hưởng triều
50		Krông Pô Kô	Đắc Mốt	24 giờ
51		Đắc Bla	Kon Plong	24 giờ
52			Kon Tum	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
53		Đắc Tờ Kan	Đắc Tô	24 giờ
54	Gia Lai	Lại Giang	An hòa	24 giờ
55			Bồng Sơn	24 giờ
56		Kôn	Vĩnh Sơn	24 giờ
57			Bình Nghi	24 giờ
58			Thanh Hòa	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
59		Ayun	Pmorê	24 giờ
60		Ba	An Khê	24 giờ
61			Ayunpa	24 giờ
62	Đắk Lắk	Kỳ Lộ	Xuân Quang	24 giờ
63			Hà Bằng	24 giờ
64			Đa Lộc	24 giờ
65		Bản Thạch	Hòa Mỹ Tây	24 giờ

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
66		Tam Giang	Xuân Lâm	24 giờ
67		Ba	Củng Sơn	24 giờ
68			Phú Lâm	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
69		Krông Buk	Krông Buk	24 giờ
70		KrôngAna	Giang Sơn	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
71		SrêPók	Bản Đôn	24 giờ
72	Khánh Hòa	Cái Nha Trang	Đồng Trăng	24 giờ
73			Diên Phú	24 giờ
74		Dinh Ninh Hòa	Ninh Hòa	24 giờ
75		Cái Phan Rang	Tân Mỹ	24 giờ
76			Phan Rang	24 giờ
III	Các tỉnh/thành phố miền Nam			
1	Lâm Đồng	La Ngà	Tà Pao	24 giờ
2		Lũy	Lũy	24 giờ
3		Cái-Cà Ty	Phan Thiết	24 giờ, ảnh hưởng triều
4		Krông Nô	Đức Xuyên	24 giờ
5		EaKrông	Cầu 14	24 giờ
6		Đăk Nông	Đăk Nông	24 giờ
7		La Ngà	Đại Nga	24 giờ
8		Cam Ly	Thanh Bình	24 giờ
9		Đa Nhim	Đại Ninh	24 giờ
10	Hồ Chí Minh	Sài Gòn	Phú An	5 ngày, ảnh hưởng triều
11		Đồng Nai	Nhà Bè	5 ngày, ảnh hưởng triều
12		Sài Gòn	Dầu Tiếng	5 ngày, ảnh hưởng triều
13			Thủ Dầu Một	5 ngày, ảnh hưởng triều
14		Bé	Phước Hòa	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
15	Đồng Nai	Đồng Nai	Biên Hòa	5 ngày, ảnh hưởng triều
16			Tà Lài	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
17		La Ngà	Phú Hiệp	24 giờ
18		Hồ Trị An	Trị An	24 giờ
19	Tây Ninh	Vàm Cỏ Đông	Gò Dầu Hạ	5 ngày, ảnh hưởng triều

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
20		Bến Đá	Cần Đăng	24 giờ
21		Kênh Hồng Ngự	Tân Hưng	5 ngày, ảnh hưởng triều
22		Vàm Cỏ Đông	Bến Lức	5 ngày, ảnh hưởng triều
23		Vàm Cỏ Tây	Mộc Hóa	5 ngày, ảnh hưởng triều
24			Tân An	5 ngày, ảnh hưởng triều
25			Tuyên Nhơn	5 ngày, ảnh hưởng triều
26			Kiến Bình	5 ngày, ảnh hưởng triều
27	Đồng Tháp	Bà Rài	Cai Lậy	5 ngày, ảnh hưởng triều
28		Kênh Xáng	Long Định	5 ngày, ảnh hưởng triều
29		Cửa Tiểu	Hòa Bình	5 ngày, ảnh hưởng triều
30			Vàm Kênh	5 ngày, ảnh hưởng triều
31		Tiền	Mỹ Tho	5 ngày, ảnh hưởng triều
32		Tiền	Hậu Mỹ Bắc	5 ngày, ảnh hưởng triều
33		Tiền	Cao Lãnh	5 ngày, ảnh hưởng triều
34		Kênh Phước Xuyên	Trường Xuân	5 ngày, ảnh hưởng triều
35	Vĩnh Long	Hàm Luông	Mỹ Hóa	5 ngày, ảnh hưởng triều
36		Hàm Luông	An Thuận	5 ngày, ảnh hưởng triều
37		Cửa Đại	Bình Đại	5 ngày, ảnh hưởng triều
38		Cổ Chiên	Bến Trại	5 ngày, ảnh hưởng triều
39		Tiền	Chợ Lách	5 ngày, ảnh hưởng triều
40		Tiền	Mỹ Thuận	5 ngày, ảnh hưởng triều
41		Cổ Chiên	Trà Vinh	5 ngày, ảnh hưởng triều
42		Hậu	Cầu Quan	5 ngày, ảnh hưởng triều
43	Cần Thơ	Hậu	Đại Ngãi	5 ngày,

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
				ảnh hưởng triều
44		Hậu	Trần Đề	5 ngày, ảnh hưởng triều
45		Cái Côn	Phụng Hiệp	5 ngày, ảnh hưởng triều
46		Xà No	Vị Thanh	5 ngày, ảnh hưởng triều
47		Hậu	Cần Thơ	5 ngày, ảnh hưởng triều
48		Rạch Ông Chưởng	Chợ Mới	5 ngày, ảnh hưởng triều
49		K. Vĩnh Tế	Xuân Tô	5 ngày, ảnh hưởng triều
50			Vĩnh Gia	5 ngày, ảnh hưởng triều
51		Kênh Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	5 ngày, ảnh hưởng triều
52		Tiền	Tân Châu	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
53		Hậu	Châu Đốc	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
54			Long Xuyên	5 ngày, ảnh hưởng triều
55			Khánh An	5 ngày, ảnh hưởng triều
56		Kênh Tri Tôn	Tri Tôn	5 ngày, ảnh hưởng triều
57		Kênh Tri Tôn	Cô Tô	5 ngày, ảnh hưởng triều
58		Kênh Tám Ngàn	Lò Gạch (Lương An Trà)	5 ngày, ảnh hưởng triều
59	An Giang	Kênh Ba Thê	Vọng Thê	5 ngày, ảnh hưởng triều
60		Kênh Rạch Giá- Long Xuyên	Núi Sập	5 ngày, ảnh hưởng triều
61		Vàm Nao	Vàm Nao	5 ngày, ảnh hưởng triều
62		Cái Sắn	Tân Hiệp	5 ngày, ảnh hưởng triều
63		Kênh T5	Nông Trường	5 ngày, ảnh hưởng triều
64		Kiên (Kênh	Rạch Giá	5 ngày,

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
		RG-LX)		ảnh hưởng triều
65		Cái Lớn	Xẻo Rô	5 ngày, ảnh hưởng triều
66		Kênh Vĩnh Tế	Vĩnh Điều	5 ngày, ảnh hưởng triều
67		Kênh T3	Vĩnh Phú	5 ngày, ảnh hưởng triều
68		Kênh Rạch Giá- Long Xuyên	Tân Thành	5 ngày, ảnh hưởng triều
69		Kênh Tri Tôn	Nam Thái Sơn	5 ngày, ảnh hưởng triều
70	Cà Mau	Gành Hào	Gành Hào	5 ngày, ảnh hưởng triều
71		Quản Lộ Phụng Hiệp	Phước Long	5 ngày, ảnh hưởng triều
72		Gành Hào	Cà Mau	5 ngày, ảnh hưởng triều
73		Cửa Lớn	Năm Căn	5 ngày, ảnh hưởng triều
74		Ông Đốc	Sông Đốc	5 ngày, ảnh hưởng triều

Phụ lục V
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DO TRUNG
TÂM DỰ BÁO KTTV QUỐC GIA THỰC HIỆN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)*

TT	Sông	Tên trạm thủy văn
1	Thao	Yên Bái
2	Lô	Tuyên Quang
3	Đà	Hồ Hòa Bình
4	Hồng	Hà Nội
5	Cầu	Gia Bảy
6	Lục Nam	Chũ
7	Mã	Cầm Thủy
8	Cả	Yên Thượng
9	Ngàn Sâu	Hòa Duyệt
10	Hương	Thượng Nhật
11	Thu Bồn	Nông Sơn
12	Trà Khúc	Sơn Giang
13	Ba	Củng Sơn
14	Cái Nha Trang	Đồng Trăng
15	Đăk Bla	Kon Tum
16	Srêpôk	Giang Sơn
17	Tiên	Tân Châu
18	Hậu	Châu Đốc

Phụ lục VI
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DO CÁC ĐÀI
KTTV THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
 Cục trưởng Cục KTTV)

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Ghi chú
TỈNH/THÀNH PHỐ MIỀN BẮC				
1	Sơn La	Đà	Tạ Bú	
2		Mã	Xã Là	
3	Điện Biên	Đà	Mường Lay	
4		Nậm Múc	Na Sang	
5		Nậm Nưa	Bản Yên	
6	Lai Châu	Nậm Mu	Tà Gia	
7		Nậm Na	Nậm Giàng	
8		Nậm Bum	Nà Hừ	
9	Lào Cai	Thao	Lào Cai	
10		Chảy	Bảo Yên	
11		Nghĩa Đô	Vĩnh Yên	
12		Ngòi Nhù	Ngòi Nhù	
13		Thao	Yên Bái	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
14		Ngòi Hút	Ngòi Hút	
15		Nậm Kim	Mù Cang Chải	
16	Tuyên Quang	Gâm	Chiêm Hoá	
17		Lô	Hàm Yên	
18		Lô	Ghênh Gà	
19		Gâm	Bắc Mê	
20		Lô	Vĩnh Tuy	
21	Thái Nguyên	Năng	Đầu Đẳng	
22		Cầu	Cầu Phà	
23		Cầu	Gia Bẩy	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
24	Lạng Sơn	Kỳ Cùng	Lạng Sơn	
25		Bắc Giang	Vân Mịch	
26	Cao bằng	Bằng Giang	Bằng Giang	
27	Phú Thọ	Lô	Vụ Quang	
28		Búra	Thanh Sơn	
29		Phó Đáy	Quảng Cư	
30		Đà	Hồ Hòa Bình	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
31		Bùi	Lâm Sơn	
32	Hà Nội	Hồng	Sơn Tây	

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Ghi chú
33	Ninh Bình		Hà Nội	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
34		Đuống	Thượng Cát	
35		Đào	Nam Định	
36		Ninh Cơ	Trực Phương	
37	Bắc Ninh	Lục Nam	Chũ	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
38	Hưng Yên	Trà Lý	Quyết Chiến	
39		Luộc	Triều Dương	
40		Hồng	Ba Lạt	
41	Hải Phòng	Kinh Thầy	Bến Bình	
42		Thái Bình	Cát Khê	
43		Gù	Bá Nha	
44		Kinh Thầy	Cửa Cấm	
45		Văn Úc	Trung Trang	
46	Quảng Ninh	Tiên Yên	Bình Liêu	
47	Thanh Hóa	Mã	Cẩm Thủy	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
48			Mường Lát	
49		Chu	Cửa Đạt	
TỈNH/THÀNH PHỐ MIỀN TRUNG				
1	Nghệ An	Hiếu	Quý Châu	
2			Nghĩa Khánh	
3		Cả	Dừa	
4			Yên Thượng	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
5		Nậm Mộ	Mường Xén	
6	Hà Tĩnh	Ngàn Phố	Sơn Diêm	
7		Ngàn Sâu	Hoà Duyệt	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
8	Quảng Trị	Rào Nậy	Đồng Tâm	
9		Bến Hải	Gia Vòng	
10	Huế	Hương	Thượng Nhật	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
11	Đà Nẵng	Vu Gia	Thành Mỹ	
12		Thu Bồn	Nông Sơn	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
13	Quảng Ngãi	Vệ	An Chỉ	
14		Trà Khúc	Sơn Giang	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo

TT	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Ghi chú
				KTTV quốc gia
15			Đăk Môt	
16		Đakbla	Kon Tum	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
17			Kon Plông	
18		An Lão	An Hòa	
19			Ayun Pa	
20		Ayun	An Khê	
21			Pmorê	
22		Ba	Củng Sơn	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
23		Kỳ Lô	Xuân Quang	
24		Krông Buk	Krông Buk	
25		Sê Rê Pôk	Bản Đôn	
26		Krông Ana	Giang Sơn	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
27	Khánh Hòa	Cái Nha Trang	Đồng Trăng	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
TỈNH/THÀNH PHỐ MIỀN NAM				
1		Sông Lũy	Sông Lũy	
2		La Ngà	Tà Pao	
3		Ea Krông	Cầu 14	
4		Krông Nô	Đức Xuyên	
5		Đăk Nông	Đăk Nông	
6		La Ngà	Đại Nga	
7		Cam Ly	Thanh Bình	
8		Đồng Nai	Tà Lài	
9		La Ngà	Phú Hiệp	
10	Thành phố Hồ Chí Minh	Bé	Phước Hòa	
11	Vĩnh Long	Tiền	Mỹ Thuận	
12	Cần Thơ	Hậu	Cần Thơ	
13		Tiền	Tân Châu	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
14	An Giang	Hậu	Châu Đốc	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

Phụ lục VII
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO HẢI VĂN DO TRUNG TÂM DỰ
BÁO KTTV QUỐC GIA, CÁC ĐÀI KTTV CÓ BIỂN THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

STT	Đơn vị dự báo	Tên trạm	Ghi chú
1	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Cô Tô	
		Bạch Long Vỹ	
		Hòn Ngu	
		Hoàng Sa	
		Lý Sơn	
		Trường Sa	
		Phú Quý	
		Côn Đảo	
		Thổ Chu	
2	Tỉnh Quảng Ninh	Cửa Ông	
		Bãi Cháy	
		Cô Tô	
		Trà Cổ	
3	Thành phố Hải Phòng	Bạch Long Vĩ	
		Hòn Dấu	
4	Tỉnh Hưng Yên	Vùng biển thuộc Hưng Yên	Số liệu căn cứ theo trạm hải văn lân cận
5	Tỉnh Ninh Bình	Vùng biển thuộc Ninh Bình	
6	Tỉnh Thanh Hóa	Sầm Sơn	
7	Tỉnh Nghệ An	Hòn Ngu	
8	Tỉnh Hà Tĩnh	Hoành Sơn	
9	Tỉnh Quảng Trị	Cồn Cỏ	
10	Thành phố Huế	Vùng biển thuộc Huế	Số liệu căn cứ theo trạm hải văn lân cận
11	Thành phố Đà Nẵng	Sơn Trà	
		Cù Lao Chàm	
		Hoàng Sa	
12	Tỉnh Quảng Ngãi	Lý Sơn	
13	Tỉnh Gia Lai	Quy Nhơn	
14	Tỉnh Đắk Lắk	Vùng biển thuộc Đắk Lắk	Số liệu căn cứ theo trạm hải văn lân cận
15	Tỉnh Khánh Hòa	Trường Sa	
		Song Tử Tây	
16	Tỉnh Lâm Đồng	Phú Quý	
17	Thành phố Hồ Chí Minh	Côn Đảo	
		Vũng Tàu	
		DKI-7	

STT	Đơn vị dự báo	Tên trạm	Ghi chú
18	Tỉnh Đồng Tháp	Vùng biển thuộc Đồng Tháp	Số liệu căn cứ theo trạm hải văn lân cận
19	Tỉnh Vĩnh Long	Vùng biển thuộc Vĩnh Long	Số liệu căn cứ theo trạm hải văn lân cận
20	Thành phố Cần Thơ	Vùng biển thuộc Cần Thơ	Số liệu căn cứ theo trạm hải văn lân cận
21	Tỉnh An Giang	Phú Quốc	
		Thổ Chu	
22	Tỉnh Cà Mau	Vùng biển thuộc Cà Mau	Số liệu căn cứ theo trạm hải văn lân cận

Phụ lục VIII
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO KTTV PHỤC VỤ NÔNG NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

STT	Tỉnh/thành phố	Tên trạm	Ghi chú
1	Lai Châu	Tam Đường	
2	Điện Biên	Điện Biên	
3	Sơn La	Sơn La	
4	Lào Cai	Lào Cai	
		Yên Bái	
5	Tuyên Quang	Hà Giang	
		Tuyên Quang	
6	Cao Bằng	Cao Bằng	
7	Lạng sơn	Lạng Sơn	
8	Thái Nguyên	Bắc Cạn	
		Thái Nguyên	
9	Phú Thọ	Việt Trì	
		Vĩnh Yên	
		Hòa Bình	
10	Bắc Ninh	Bắc Giang	
		Bắc Ninh	
11	Hải Phòng	Phủ Liễn	
		Hải Dương	
12	Quảng Ninh	Móng cái	
13	Hà Nội	Hà Đông	
14	Hưng Yên	Hưng Yên	
		Thái Bình	
15	Ninh Bình	Hà Nam	
		Nam Định	
		Ninh Bình	
16	Thanh Hoá	Thanh Hoá	
17	Nghệ An	Vinh	
18	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	
19	Quảng Trị	Đồng Hới	
		Đồng Hà	
20	Huế	Huế	
21	Đà Nẵng	Tam Kỳ	
		Đà Nẵng	
22	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	
		Kon Tum	
23	Gia Lai	Quy Nhơn	
		Pleiku	
24	Đắk Lắk	Tuy Hoà	
		Buôn Ma Thuột	
25	Khánh Hòa	Nha Trang	

STT	Tỉnh/thành phố	Tên trạm	Ghi chú
		Phan Rang	
26	Lâm Đồng	Phan Thiết	
		Đắk Nông	
		Đà Lạt	
27	Đồng Nai	Phước Long	
		Biên Hòa	
28	Hồ Chí Minh	Nhà Bè	
		Thủ Dầu Một (Sở Sao)	
		Vũng tàu	
29	Tây Ninh	Tây Ninh	
		Mộc Hóa	
30	Vĩnh Long	Vĩnh Long	
		Bến Tre	
		Càng Long	
31	Cần Thơ	Vị Thanh	
		Cần Thơ	
		Sóc Trăng	
32	Đồng Tháp	Cao Lãnh	
		Mỹ Tho	
33	An Giang	Châu Đốc	
		Rạch Giá	
34	Cà Mau	Bạc Liêu	
		Cà Mau	

Phụ lục IX
DANH SÁCH CÁC ĐỊA CHỈ ĐƯỢC HỆ THỐNG DỰ BÁO, CẢNH BÁO
KTTV QUỐC GIA CUNG CẤP TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

TT	Địa chỉ được cung cấp tin	Cơ quan cung cấp tin
1	Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
2	Đài Tiếng nói Việt Nam	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
3	Đài Truyền hình Việt Nam	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
4	Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự/ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh	Các Đài KTTV
5	Đài Phát thanh/truyền hình/các cơ quan thông tấn báo chí của tỉnh	Các Đài KTTV
6	Phòng Quản lý dự báo và thông tin, dữ liệu KTTV, Trung tâm Thông tin và Dữ liệu KTTV	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, các Đài KTTV
7	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Các Đài KTTV
8	Các Đài KTTV	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
9	Các cơ quan khác	Theo thỏa thuận với Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, các Đài KTTV

Phụ lục X

NGUYÊN TẮC ĐẶT TÊN FILE CÁC BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO VÀ HỒ SƠ DỰ BÁO KTTV TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG CỦA HỆ THỐNG DỰ BÁO, CẢNH BÁO KTTV QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của Cục trưởng Cục KTTV)

Tên file bản tin dự báo: ĐVDB_LOAI_YYYYMMDD_hhmm.pdf (hoặc .signed.pdf)

Tên file Hồ sơ dự báo: HS_ĐVDB_LOAI_YYYYMMDD_hhmm.pdf

Trong đó:

HS: Hồ sơ dự báo

ĐVDB: tên đơn vị dự báo. Ví dụ: Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia (DBQG); Đài KTTV Bắc Bộ (BABO); Đài KTTV tỉnh Quảng Ninh (QNIN)

LOAI: loại bản tin KTTV nguy hiểm, bình thường, liên hồ chứa, chuyên đề,...

YYYYMMDD_HHMM: năm, tháng, ngày, giờ, phút ban hành bản tin

Ví dụ tên file bản tin dự báo xu thế thời tiết 10 ngày của Trung tâm DBQG ban hành vào 14h30 ngày 10/06/2024:
DBQG_XTHE_20240610_1430.pdf hoặc DBQG_XTHE_20240610_1430.signed.pdf

STT	Loại bản tin	ĐVDB_LOẠI của DBQG	ĐVDB_LOẠI của Đài KTTV	Ghi chú
1	Xu thế thời tiết thời hạn 10 ngày	DBQG_XTHE	QNIN_XTHE	Nếu Đài KTTV thực hiện
2	Thời tiết điểm thời hạn 10 ngày	DBQG_DIEM	QNIN_DIEM	
3	Khí hậu thời hạn 01 tháng và 01 năm	DBQG_KH1T DBQG_KH1N	QNIN_KH1T QNIN_KH1N	Nếu Đài KTTV thực hiện

STT	Loại bản tin	ĐVDB_LOẠI của DBQG	ĐVDB_LOẠI của Đài KTTV	Ghi chú
4	Thủy văn thời hạn ngắn	DBQG_TVHN_*	QNIN_TVHN	_* (nếu có): là viết tắt 06 lưu vực sông theo 02 ký tự bao gồm: Sông Hồng (_SH); Sông Thái Bình (_TB); Bắc Trung Bộ (_BT), Nam Trung Bộ (_NT), Đông Nam Bộ (_ĐN); Mê Công (_MC).
5	Thủy văn thời hạn vừa	DBQG_TVHV_*	QNIN_TVHV	_* (nếu có): là viết tắt 06 lưu vực sông theo 02 ký tự bao gồm: Sông Hồng (_SH); Sông Thái Bình (_TB); Bắc Trung Bộ (_BT), Nam Trung Bộ (_NT), Đông Nam Bộ (_ĐN); Mê Công (_MC).
6	Thủy văn thời hạn dài	DBQG_TVHD_*	QNIN_TVHD	_* (nếu có): là viết tắt 06 lưu vực sông theo 02 ký tự bao gồm: Sông Hồng (_SH); Sông Thái Bình (_TB); Bắc Trung Bộ (_BT), Nam Trung Bộ (_NT), Đông Nam Bộ (_ĐN); Mê Công (_MC).
7	Nguồn nước thời hạn ngắn	DBQG_NNHN_*		
8	Nguồn nước thời hạn vừa	DBQG_NNHV_*		
9	Nguồn nước thời hạn dài	DBQG_NNHT_*		
10	Nguồn nước hạn năm	DBQG_NN1N_*		
11	Thủy văn phục vụ quy trình vận hành liên hồ chứa (Lũ, hạn ngắn, tháng, tích nước)	DBQG_HOLU DBQG_HOHN DBQG_HO1T DBQG_HOTN	NGAN_CALU NGAN_CAHN NGAN_CA1T NGAN_CATN	- Loại bản tin: Lũ (LU); Hạn ngắn-hạn vừa (HN); Tháng (1T); Tích nước (TN) - Sông: Hồng (HO); Mã (MA); Cả

STT	Loại bản tin	ĐVDB_LOẠI của DBQG	ĐVDB_LOẠI của Đài KTTV	Ghi chú
		DBQG_MALU DBQG_MAHN DBQG_MA1T DBQG_MATN		(CA); Hương (HG); Vu Gia-Thu Bồn (VT); Trà Khúc (TK); Kôn (KO); Ba (BA); Srêpôk (SR); Sê San (SS); Đồng Nai (DN) - Nếu Đài KTTV thực hiện
12	Hải văn thời hạn 10 ngày	DBQG_HVHV		
13	Hải văn thời hạn tháng	DBQG_HV1T		
14	Khí hậu thời hạn mùa	DBQG_KHHM	QNIN_KHHM	
15	Thủy văn thời hạn mùa	DBQG_TVHM	QNIN_TVHM	
16	Hải văn thời hạn mùa	DBQG_HVHM	QNIN_HVHM	
17	Khí tượng nông nghiệp thời hạn vừa	ĐVDB_KNHV_*		*: là viết tắt của 07 khu vực dự báo theo 02 ký tự bao gồm: Trung du miền núi phía bắc (TD); Đồng bằng sông hồng (SH); Bắc trung bộ (BT); Nam Trung bộ (NT); Tây Nguyên (TN); Đông Nam Bộ (DN); Đồng bằng sông cửu long (CL).
18	Khí tượng nông nghiệp thời hạn dài	ĐVDB_KNHD_*		
19	Khí tượng nông nghiệp thời hạn mùa	ĐVDB_KNHN_*		
1	Ví dụ bản tin dự báo thời tiết phục vụ tuần lễ APEC	DBQG_APEC	QNAM_APEC	

Phụ lục XI
TÊN VIẾT TẮT CÁC ĐÀI KTTV

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

STT	ĐÀI KTTV	KÝ HIỆU
1	Lai Châu	LCHA
2	Điện Biên	DBIE
3	Sơn La	SOLA
4	Lào Cai	LCAI
5	Tuyên Quang	TQUA
6	Cao Bằng	CBAN
7	Lạng Sơn	LSON
8	Phú Thọ	PTHO
9	Thái Nguyên	TNGU
10	Hà Nội	HNOI
11	Quảng Ninh	QNIN
12	Hải Phòng	HPHO
13	Bắc Ninh	BNIN
14	Hưng Yên	HYEN
15	Ninh Bình	NBIN
16	Thanh Hóa	THOA
17	Nghệ An	NGAN
18	Hà Tĩnh	HTIN
19	Quảng Trị	QTRI
20	Huế	THUE
21	Đà Nẵng	DNAN
22	Quảng Ngãi	QNGA
23	Gia Lai	GLAI
24	Đắk Lắk	DLAK
25	Khánh Hòa	KHOA
26	Lâm Đồng	LDON
27	Đồng Nai	DNAI
28	Tây Ninh	TANI
29	Hồ Chí Minh	HOCM
30	Vĩnh Long	VILO
31	Cần Thơ	CTHO
32	Đồng Tháp	DTHA
33	An Giang	AGIA
34	Cà Mau	CMAU